

TỜ TRÌNH

V/v quyết định chủ trương đầu tư

dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI

Số:	301.2
Đến Ngày:	21/6/2019
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 24/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Xét Tờ trình số 182/TTr-BQLDA ngày 18/6/2019 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Công văn số 1370/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 19/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo báo cáo thẩm định số 132/BC-HĐTĐ ngày 17/6/2019,

UBND tỉnh Gia Lai trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Chín quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
2. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Nhân dân thành phố Pleiku.
3. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
4. Tổng vốn thực hiện dự án: 88 tỷ đồng, bao gồm vốn ngân sách tỉnh 88 tỷ đồng (trong đó giai đoạn 2019 - 2020 là 79,8 tỷ đồng).
5. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2020.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN:

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông có tờ trình số 172/TTr-BQLDA ngày 11/6/2019 đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thường trực hội đồng thẩm định theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh Gia Lai) đã tổ chức lấy ý kiến các Sở Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng và UBND thành phố Pleiku và tổng hợp báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn tại báo cáo số 132/BC-HĐTD ngày 17/6/2019;

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp hồ sơ và đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Công văn số 1370/SKHĐT-DTĐ&GSĐT ngày 19/6/2019;

Nhận xét: Việc lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của các cấp, ngành thực hiện theo đúng quy định tại điều 29 Luật Đầu tư công.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
2. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Hội đồng thẩm định.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ của đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
4. Các văn bản khác có liên quan.

UBND tỉnh Gia Lai trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Chín xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai./. 

Noi nhận: ma.

- Như trên;
- Đ/c CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Đ/c CVP và các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thuộc UBND tỉnh Gia Lai (Hội đồng thẩm định) nhận được tờ trình số 172/TTr-BQLDA ngày 11/6/2019 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông (Ban quản lý) về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH:

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
2. Tờ trình số 172/TTr-BQLDA ngày 11/6/2019 của Ban quản lý đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
3. Báo cáo thẩm định số 35/BQLDA-KTCL ngày 07/6/2019 của Ban quản lý kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH:

1. Luật Đầu tư công 2014;
2. Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
3. Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;
4. Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Hội đồng thẩm định và giao cơ quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ

trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

5. Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 24/8/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Gia Lai về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Các sở: Giao thông Vận tải (văn bản số 1106/SGT-VT-QLCLCTGT ngày 13/6/2019); Sở Tài chính (không tham gia ý kiến); Sở Xây dựng (văn bản số 911/SXD-QLCL ngày 13/6/2019); UBND TP.Pleiku (không tham gia ý kiến).

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG, THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG, THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

1. Tên dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Dự án nhóm: Nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 88 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Dự phòng ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

8. Ngành, lĩnh vực chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Công trình giao thông.

9. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án): Năm 2019-2020.

10. Hình thức đầu tư dự án: Vốn ngân sách nhà nước đầu tư 100%.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Mặt cắt ngang nền đường chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nền đường rộng 27m; quy hoạch được duyệt chỉ giới xây dựng tuyến đường là 30m. Do đó đề nghị chỉnh sửa nền đường rộng 30m, trường hợp vướng đèn bù thì có giải pháp thiết kế cho phù hợp.

- Sở Giao thông Vận tải: Việc đề xuất quy mô mặt cắt tuyến đường phải phù hợp với quy mô tuyến đường Đ1 trong dự án đầu tư đang triển khai là Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai để đảm bảo tính hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí.

- Sở Xây dựng: Đề nghị xây dựng mặt đường rộng $10,5 \times 2 = 21$ m để thuận tiện trong việc bố trí các bãi đậu xe.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH:

A. Về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

1. Sự cần thiết đầu tư dự án: Nâng cấp tuyến đường theo quy hoạch được duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, chỉnh trang đô thị và đảm bảo tính đồng bộ của tuyến đường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định: Theo quy định hiện hành.

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực: Đề nghị thiết kế mặt cắt ngang tuyến đường phù hợp với quy hoạch, chỉ giới xây dựng được duyệt.

4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C: Phù hợp theo quy định.

5. Về Quy mô, địa điểm, mục tiêu, thời gian, tiến độ thực hiện: Cơ bản phù hợp theo quy định; đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phải căn cứ quy mô đường Đ1 trong dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai và quy hoạch, chỉ giới xây dựng được duyệt để đề xuất các giải pháp thiết kế cho phù hợp.

B. Về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:

1. Về nguồn vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề xuất sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 dự kiến tại văn bản số 1247/SKHĐT-TH ngày 05/6/2019. UBND tỉnh đã thống nhất đầu tư dự án và báo cáo Thường vụ tỉnh ủy tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 14/6/2019.

2. Về cân đối vốn: Đề xuất mức vốn bố trí cho dự án 79,8 tỷ đồng.

IV. KẾT LUẬN: Dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đề xuất nguồn vốn và mức vốn phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn trong giai đoạn 2019-2020, đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư sau khi hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến thẩm định nêu trên.

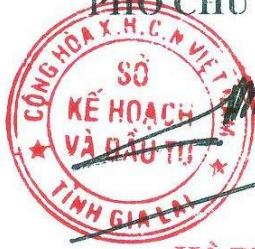
Trên đây là kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, đề nghị Ban quản lý xem báo cáo UBND tỉnh để triển khai các bước thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Chủ tịch Hội đồng thẩm định;
- Ban quản lý giao thông;
- Sở KHĐT (5b);

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Phước Thành



UBND TỈNH GIA LAI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 1160 /SGTVT-QLCLCTGT
V/v tham gia ý kiến báo cáo đề xuất
chủ trương đầu tư dự án: Đường
Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện nội dung tại công văn số 1299/SKHDT-ĐTTD&GSDT ngày 11/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư *V/v tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku.*

Trong hồ sơ chưa có văn bản UBND tỉnh thông qua danh mục đầu tư dự án “Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku” bằng nguồn vốn dự phòng NSDP trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và giao nhiệm vụ đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, do đó đề nghị Sở KHĐT lưu ý, xem xét tính pháp lý của Báo cáo. Theo hồ sơ Sở KHĐT gửi, Sở GTVT tham gia ý kiến như sau:

1. Về mục tiêu dự án: Thống nhất về mục tiêu theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
2. Về quy mô, địa điểm sự phù hợp với quy hoạch:

- Về quy mô, hướng tuyến, địa điểm: Cơ bản phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Pleiku.

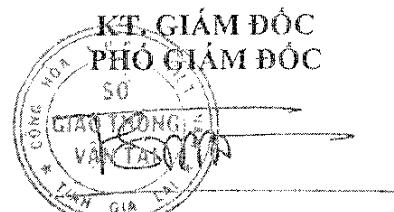
- Về kết cấu áo đường: Thống nhất với giải pháp sử dụng kết cấu bê tông nhựa cho công trình, tuy nhiên về chiều dày các lớp kết cấu sẽ được xác định cụ thể ở bước lập dự án trên cơ sở lựa chọn cường độ mặt đường thiết kế và số liệu khảo sát, tính toán của đơn vị tư vấn, nhằm nhằm đảm bảo tính hợp lý, tiết kiệm, nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án.

* Lưu ý khi chủ trương đầu tư dự án được thông qua, chủ đầu tư cần phối hợp làm việc với chủ đầu tư dự án Hạ tầng du lịch tĩnh (*đang thi công*) xác định rõ các hạng mục dự kiến đầu tư thuộc lý trình Km 0+950-Km1+610 (*trùng đường D1- dự án Hạ tầng du lịch tĩnh*), đưa ra giải pháp thi công hợp lý, nhằm tránh trường hợp khi thực hiện các hạng mục thuộc dự án Đường Tôn Đức Thắng phải phá bỏ các hạng mục vừa mới đầu tư dự án Hạ tầng du lịch tĩnh.

Sở Giao thông vận tải đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc & các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, QLCLCTGT_(U).



Nguyễn Trường Sơn



Người ký: Sở Xây dựng
Email:
sxd@tgcgialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 14.06.2019
09:59:04 - 07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 911/SXD-QLCL

V/v tham gia ý kiến thẩm định báo cáo
đề xuất chủ trương đầu tư dự án:
Đường Tôn Đức Thắng, Tp.Pleiku

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 1299/KHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 11/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

- Về mục tiêu đầu tư: Cơ bản thống nhất với mục tiêu đầu tư của dự án theo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và cảnh quan cho khu du lịch Biển Hồ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương).

- Về quy mô đầu tư: Theo điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Pleiku giai đoạn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018, trong đó đường Tôn Đức Thắng (mặt cắt 2-2), mặt đường rộng (7-10,5)x2, dải phân cách rộng 3m; theo đề xuất chủ trương đầu tư mặt đường rộng 2x9m, dải phân cách rộng 3m. Về quy mô mặt cắt ngang toàn tuyến, đề nghị xem xét đề xuất chủ trương đầu tư mặt đường rộng 2x10,5m, dải phân cách rộng 3m; quy mô này phù hợp quy hoạch chung điều chỉnh, chỉ giới xây dựng tuyến đường Tôn Đức Thắng và thuận tiện trong việc bố trí một số vị trí bãi đỗ xe.

- Về hệ thống thoát nước: Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư chưa tính toán thủy văn để xây dựng hệ thống thoát nước của tuyến đường Tôn Đức Thắng, vì vậy trong bước đề xuất chủ trương đầu tư dự án chưa nêu khẳng định được công tròn D100cm.

- Tổng mức đầu tư: Hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư lập chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của tổng mức đầu tư dự án, đề nghị chủ đầu tư trên cơ sở quy mô đã lựa chọn, áp dụng các quy định hiện hành để tính toán sơ bộ tổng mức đầu tư cho phù hợp.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của Sở Xây dựng, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLCL.



Đỗ Việt Hưng

Số : 182/TTr-BQLDA

Gia Lai, ngày 18 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH
Quyết định chủ trương đầu tư dự án
Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai V/v Ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 1247/SKHĐT-TH ngày 05/06/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v danh mục dự án đầu tư bằng nguồn vốn dự phòng NSDP trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và đề xuất giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai số 132/BC-HĐTĐ ngày 17/06/2019 của Hội đồng thẩm định BCĐXCCĐT, NV&KNCDV;

Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét và trình cấp thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

- 1. Tên dự án:** Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Gia Lai.
- 3. Đối tượng thụ hưởng của dự án:** cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và và cảnh quan cho khu du lịch Biển Hồ nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.
- 4. Địa điểm thực hiện dự án:** Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- 5. Tổng vốn thực hiện dự án, gồm vốn:** **88.000.000.000 đồng** (Tám mươi tám tỷ đồng)
- Nguồn vốn:** Dự phòng ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.
- 6. Thời gian thực hiện:** Năm 2019-2020
- 7. Cơ quan thực hiện dự án:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Gia Lai.
- 8. Dự án nhóm:** Nhóm B.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Sau khi nhận được Công văn số 1247/SKHĐT-TH ngày 05/06/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư “V/v danh mục dự án đầu tư bằng nguồn vốn dự phòng NSDP trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và đề xuất giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư”, trong đó có dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Gia Lai đã tiến hành lập, thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai thẩm định;
2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Gia Lai hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai số 132/BC-HĐTD ngày 17/06/2019 của Hội đồng thẩm định BCĐXCCĐT, NV&KNCDV.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; Báo cáo thẩm định nội bộ của Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Gia Lai;

2. Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án của Hội đồng thẩm định.

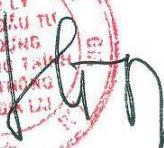
Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét và trình cấp thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai./.

Noi nhận: 

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Các P.Giám đốc;
- Các phòng KHTH, KTCL;
- Lưu: VT, QLDA (Sơn).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Hữu Tiến

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1370 /SKHĐT-DTTD&GSĐT

V/v đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh
phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
Đường Tôn Đức Thắng, thành phố
Pleiku, tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 19 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ điều Luật Đầu tư công 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 24/8/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Gia Lai về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương,

Dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã được tổ chức lập, thẩm định theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công. Nay Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trên, hồ sơ gồm có:

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
2. Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.
3. Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
4. Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Hội đồng thẩm định (kèm theo ý kiến tham gia của các Sở, Ngành).

5. Các nội dung khác:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 1247/SKHĐT-TH ngày 05/6/2019 đề xuất UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. UBND tỉnh đã thống nhất đầu tư dự án và báo cáo Thường vụ tỉnh ủy tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 14/6/2019.

- Dự án trên thuộc nhóm B, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư là Hội đồng nhân dân tỉnh. Để dự án khởi công năm 2020 thì phải phê duyệt dự án đầu tư trước ngày 31/10/2019, do đó phải phê duyệt chủ trương đầu tư trong kỳ họp thứ chín dự kiến tổ chức vào đầu tháng 7 năm 2019.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trong kỳ họp thứ chín để kịp thời triển khai dự án vào năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-DTTD&GSĐT(Longvk).



Hồ Phước Thành

Số : 36/BQLDA-KTCL

Gia Lai, ngày 18 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án
Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Phòng kỹ thuật được Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Gia Lai giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến phòng Kỹ thuật báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với những nội dung chính sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỐ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. Hồ sơ tài liệu thẩm định

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai số 176/BQLDA-QLDA ngày 14/6/2019 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Gia Lai.

II. Căn cứ pháp lý để thẩm định

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1247/SKHĐT-TH ngày 05/06/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v danh mục dự án đầu tư bằng nguồn vốn dự phòng NSDP trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và đề xuất giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

Căn cứ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoàn thiện theo Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án;

Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai số 132/BC-HĐTĐ ngày 17/06/2019 của Hội đồng thẩm định BCĐXCCĐT, NV&KNCDV

III. Tổ chức thẩm định

Đơn vị thẩm định: Phòng kỹ thuật thuộc Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Gia Lai;

Hình thức thẩm định: Phòng kỹ thuật phân công thành viên kiểm tra, rà soát sau đó tiến hành tổ chức họp thẩm định.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

I. Thông tin chung

- 1. Tên dự án:** Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- 2. Dự án nhóm:** Nhóm B;
- 3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;
- 4. Cấp quyết định đầu tư dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- 5. Tên chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Gia Lai;
- 6. Địa điểm thực hiện dự án:** Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- 7. Dự kiến tổng mức đầu tư:** 88.000 triệu đồng (*Tám mươi tám tỷ đồng*);
- 8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:** Vốn dự phòng ngân sách địa phương;
- 9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:** Lĩnh vực giao thông, sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách địa phương;
- 10. Thời gian thực hiện:** Năm 2019 – 2020;
- 11. Hình thức đầu tư của dự án:** Xây dựng mới kết hợp nâng cấp;
- 12. Các thông tin khác:**

12.1. Mục tiêu dự án:

Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và và cảnh quan cho khu du lịch Biển Hồ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Đảm bảo tính đồng bộ của toàn dự án và phù hợp với nhu cầu giao thông trong tương lai, đồng bộ trên toàn tuyến Tôn Đức Thắng, đảm bảo ổn định mặt đường.

12.2. Quy mô dự án:

- Nhóm công trình : Nhóm B
- Cấp công trình : Đường giao thông cấp III

Quy mô đầu tư dự kiến:

12.2.1. Đoạn Km0-Km0+950 và Km1+610-Km2+850, L=2.190m.

- Loại công trình : Đường giao thông
- Bề rộng nền đường : Bn = 30m
- Bề rộng mặt đường và dải phân cách: $B_{m+dpc} = 21m$, trong đó :
 - + Dải phân cách giữa : Bdpc= 3m
 - + Bề rộng mặt đường : Bm = 9mx2= 18m (kể cả đan rãnh)
- Bề rộng vỉa hè : Bvh = 4,5mx2= 9m, trong đó lát gạch 1,5mx2=3m, phần vỉa hè còn lại dự kiến huy động dân tự gia cố.

- Tải trọng thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T

*** Kết cấu mặt đường:**

- Kết cấu loại 1: Kết cấu tăng cường trên mặt đường bê tông nhựa cũ:

- + Lớp bê tông nhựa chặt C19mm dày 7cm (kể cả bù vênh).
- + Túi nhựa dính bám, TCN 0,5kg/m2.
- + Mặt đường bê tông nhựa cũ.

- Kết cấu loại 2: Kết cấu mặt đường BTN cho các đoạn cạp lè, mở rộng, làm mới:

- + Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm.
- + Túi nhựa thấm bám, TCN 1,0kg/m2.
- + Lớp CPDD loại I Dmax=25mm dày 15cm, lu lèn K≥98.
- + Lớp CPDD loại I Dmax=37,5mm dày 15cm, lu lèn K≥98.
- + Đất đồi chọn lọc đầm chặt K≥98 dày 30cm.

*** Hệ thống thoát nước:**

- Thoát nước dọc: Bố trí thoát nước dọc hai bên vỉa hè bằng cống tròn BTCT.
- Cống thoát nước ngang đường: Thiết kế mới cống hộp, tròn các loại.

*** Vỉa hè:** Trên vỉa hè lát gạch Block.

*** Hệ thống chiếu sáng:** Bố trí trên dải phân cách giữa.

*** Hệ thống an toàn giao thông:** Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

12.2.2. Đoạn Km0+950-Km1+610, L=660m. Giữ nguyên các hạng mục đã được đầu tư trong dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai, bổ sung dải phân cách giữa và đèn chiếu sáng trong dải phân cách, bổ sung bên phải tuyến các hạng mục chưa được đầu tư cho đồng bộ với qui mô toàn tuyến. Qui mô đầu tư như sau:

- Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m, bố trí đèn chiếu sáng trong dải phân cách giữa.

- Bổ sung bó vỉa, đan rãnh bên phải tuyến.

- Bổ sung thoát nước dọc: Bố trí thoát nước dọc trên vỉa hè bên phải tuyến bằng cống tròn BTCT.

- Bổ sung vỉa hè bên phải rộng 4,5m: Trên vỉa hè lát gạch Block rộng 1,5m, phần vỉa hè còn lại dự kiến huy động dân tự gia cố.

II. Ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định

1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Thành Phố Pleiku là một trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội lớn nhất của tỉnh được phát triển từ thị xã Pleiku trước đây. Diện tích tự nhiên của thành phố khoảng 261,99km², mật độ dân số trung bình 828,19 người/km². Dân số 216.979 người, thành phần dân số chủ yếu là dân tộc Kinh 190742 người (chiếm 87,12%), dân tộc Jarai 23375 (chiếm 10,67%), dân tộc Banar 2124 người (chiếm 0,97%), các dân tộc khác 2699 người (chiếm 1,24%).

Đường Tôn Đức Thắng có điểm đầu Km0 (giáp với đường Phạm Văn Đồng-nút giao ngã tư Biển Hồ với đường QL14), điểm cuối Km2+850 (giáp với đường tỉnh 670B). Toàn tuyến có chiều dài khoảng 2,85km. Qui mô hiện tại của tuyến có thể khái quát như sau:

+ Đoạn Km0-Km0+300, L=300m có qui mô mặt đường BTN rộng 6m, lề gia cố 2 bên bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 15cm, rộng 2,5mx2=5m, đan rãnh bó vỉa rộng 2x0,55m=1,1m, hệ thống thoát nước dọc 2 bên bằng mương xây đay đan rộng 2x1,1m=2,2m.

+ Đoạn Km0+300-Km0+950, L=650m (giáp với đoạn đã đầu tư thuộc dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai) có qui mô mặt đường BTN rộng 6m, lề gia cố 2 bên bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 15cm, rộng 1,5mx2=3m.

+ Đoạn Km0+950-Km1+610m, L=660m (thuộc dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai) đã đầu tư với qui mô có qui mô mặt đường BTN rộng 21m, bờ rộng vỉa hè bên trái rộng 4,5m bằng gạch block, lề bên phải rộng 1m, hệ thống thoát nước dọc bên trái bằng cống tròn BTCT, vỉa hè, thoát nước bên phải, dải phân cách, chiều sáng chưa được đầu tư.

+ Đoạn Km1+610-Km2+850, L=1.240m có qui mô mặt đường BTN rộng 6m, lề gia cố 2 bên bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 15cm, rộng 1,5mx2=3m.

Từ khi công trình lâm viễn Biển Hồ được đầu tư xây dựng, lượng du khách tăng đột biến, đặc biệt là các ngày lễ lớn trong năm làm cho lưu lượng giao thông trên đường Tôn Đức Thắng tăng mạnh, trong khi đó với qui mô hiện trạng tuyến đường hiện tại chưa đáp ứng được. Xuất phát từ những thực tế trên, việc đầu tư xây dựng tuyến đường và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm cải thiện điều kiện giao thông, vệ sinh môi trường và tạo cảnh quan cho khu du lịch danh thắng Biển Hồ là hết sức cần thiết và cấp bách.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định: Hồ sơ tuân thủ đúng các quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội.

3. Sự phù hợp so với quy hoạch: Việc đầu tư xây dựng dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phù hợp quy hoạch chung của Thành phố Pleiku.

4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C: Công trình được phân loại nhóm B là phù hợp với tiêu chí phân loại của Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 của Quốc hội.

5. Quy mô và hình thức đầu tư dự án:

- Cấp công trình Đường giao thông cấp III là phù hợp.

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới kết hợp nâng cấp.

6. Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

Việc đầu tư xây dựng công trình Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là hoàn toàn hợp lý và cấp bách nhằm cải thiện điều kiện giao thông, vệ sinh môi trường và tạo cảnh quan cho khu du lịch danh thắng Biển Hồ là hết sức cần thiết và cấp bách;

Cảnh báo tác động môi trường và biện pháp khắc phục trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là đạt yêu cầu.

III. Kết luận

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của phòng Kỹ thuật Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư dự án, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh;
- Giám đốc (B/c);
- Lưu VT, KT.

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phùng Văn Việt

UBND TỈNH GIA LAI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Số : 176/BCĐX-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO
Đề xuất chủ trương đầu tư dự án
Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Kính gửi :

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 1247/SKHĐT-TH ngày 05/06/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v danh mục dự án đầu tư bằng nguồn vốn dự phòng NSDP trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và đề xuất giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai số 132/BC-HĐTD ngày 17/06/2019 của Hội đồng thẩm định BCĐXCCDT, NV&KNCDV;

Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN:

- 1. Tên dự án:** Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- 2. Dự án nhóm:** Nhóm B.
- 3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.
- 4. Cấp quyết định đầu tư dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- 5. Tên Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Gia Lai.
- 6. Địa điểm thực hiện dự án:** Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

7.1. Tổng mức đầu tư dự kiến: 88.000 triệu đồng

(Tám mươi tám tỷ đồng).

7.2. Nguồn vốn đầu tư: Dự phòng ngân sách địa phương

7.3. Dự kiến tiến độ bố trí vốn theo từng năm:

Năm thực hiện	Nguồn vốn (triệu đồng)	Ghi chú
2019	4.000	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở. - Khảo sát thiết kế, lập bản vẽ thi công.
2020	84.000	<ul style="list-style-type: none"> - Di dời hạ tầng kỹ thuật. - Thi công xây dựng công trình.

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Dự phòng ngân sách địa phương

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

Lĩnh vực giao thông, sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách địa phương.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2020.

11. Hình thức đầu tư dự án: Xây dựng mới kết hợp nâng cấp

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

1.1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Thành Phố Pleiku là một trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội lớn nhất của tỉnh được phát triển từ thị xã Pleiku trước đây. Diện tích tự nhiên của thành phố khoảng 261,99km², mật độ dân số trung bình 828,19 người/km². Dân số 216.979 người, thành phần dân số chủ yếu là dân tộc Kinh 190742 người (chiếm 87,12%), dân tộc Jarai 23375 (chiếm 10,67%), dân tộc Banar 2124 người (chiếm 0,97%), các dân tộc khác 2699 người (chiếm 1,24%).

Đường Tôn Đức Thắng có điểm đầu Km0 (giáp với đường Phạm Văn Đồng-nút giao ngã tư Biển Hồ với đường QL14), điểm cuối Km2+850 (giáp với đường tỉnh 670B). Toàn tuyến có chiều dài khoảng 2,85km. Qui mô hiện tại của tuyến có thể khái quát như sau:

+ Đoạn Km0-Km0+300, L=300m có qui mô mặt đường BTN rộng 6m, lề gia cố 2 bên bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 15cm, rộng 2,5mx2=5m, đan rãnh bó vỉa rộng 2x0,55m=1,1m, hệ thống thoát nước dọc 2 bên bằng móng xây đập đan rộng 2x1,1m=2,2m.

+ Đoạn Km0+300-Km0+950, L=650m (giáp với đoạn đã đầu tư thuộc dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai) có qui mô mặt đường BTN rộng 6m, lề gia cố 2 bên bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 15cm, rộng 1,5mx2=3m.

+ Đoạn Km0+950-Km1+610m, L=660m (thuộc dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai) đã đầu tư với qui mô có qui mô mặt đường BTN rộng 21m, bờ kè rộng vỉa hè bên trái rộng 4,5m bằng gạch block, lề bên phải rộng 1m, hệ thống thoát nước dọc bên trái bằng cổng tròn BTCT, vỉa hè, thoát nước bên phải, dải phân cách, chiều sáng chưa được đầu tư.

+ Đoạn Km1+610-Km2+850, L=1.240m có qui mô mặt đường BTN rộng 6m, lề gia cố 2 bên bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 15cm, rộng 1,5mx2=3m.

Ngày 25/12/2018 Văn phòng Chính phủ có thông báo số 474/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Gia Lai; trong đó đề nghị phát huy cơ hội lợi thế về du lịch của tỉnh để du lịch có đóng góp tích cực hơn nữa vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngày 19/4/2019 Tổng thư ký Quốc hội có Thông báo số 2707/TB-TTKQH thông báo kết luận của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân tại chuyến công tác tại tỉnh Gia Lai; trong đó cũng đề nghị tỉnh tập trung huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Từ khi công trình lâm viên Biển Hồ được đầu tư xây dựng, lượng du khách tăng đột biến, đặc biệt là các ngày lễ lớn trong năm làm cho lưu lượng giao thông trên đường Tôn Đức Thắng tăng mạnh, trong khi đó với qui mô hiện trạng tuyến đường hiện tại chưa đáp ứng được. Do đó việc đầu tư xây dựng tuyến đường và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm cải thiện điều kiện giao thông, vệ sinh môi trường và tạo cảnh quan cho khu du lịch danh thắng Biển Hồ, phát huy thế mạnh du lịch của tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách.

1.2. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng đường Tôn Đức Thắng phù hợp với quy hoạch thành phố Pleiku giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai V/v Phê duyệt Đồ án điều chỉnh chung thành phố Pleiku giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

2.1. Mục tiêu dự án:

Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và và cảnh quan cho khu du lịch Biển Hồ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Đảm bảo tính đồng bộ của toàn dự án và phù hợp với nhu cầu giao thông trong tương lai, đồng bộ trên toàn tuyến Tôn Đức Thắng, đảm bảo ổn định mặt đường.

2.2. Quy mô dự án:

- Nhóm công trình : Nhóm B
- Cấp công trình : Đường giao thông cấp III

Căn cứ quy mô đoạn tuyến Km0+950 - Km1+610 (Đường Đ1, L=660m) đã được phê duyệt trong dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai cụ thể: Đoạn 1 (dài 250m), nền đường rộng 26,5m; mặt đường rộng 21m (kể cả dan rãnh); vỉa hè bên trái rộng 4,5m; lề đường bên phải rộng 1m. Đoạn 2 (dài 410m), nền đường rộng 36,5m; mặt đường rộng 21m (kể cả dan rãnh); vỉa hè bên trái rộng 14,5m; lề đường bên phải rộng 1m.

Qui mô đề xuất như sau: Theo Quyết định 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 mặt cắt QH 2-2 chung cho các tuyến như sau: Bè rộng nền đường 20:-40m; dải phân cách giữa 3m; bè rộng mặt đường (7:-10,5)m x2; bè rộng vỉa hè (3:-8)m x2. Riêng đoạn Trường Sơn - Tôn Đức Thắng lộ giới quy hoạch là 30m; Theo Quyết định số 14/2002/QĐ-UB ngày 19/03/2002 thì chỉ giới xây dựng đường Tôn Đức Thắng là 30m. Do đó trong báo cáo này đề xuất nền đường rộng 30m là phù hợp với quy hoạch được duyệt. Phần mặt đường Đ1 đã được phê duyệt rộng 21m (chưa bố trí Dpc) do đó trong dự án này đề xuất phần mặt đường Bm=2x9m+Dpc rộng 3m=21m là phù hợp. Phần vỉa hè 2 bên tuyến rộng trung bình 4,5mx2=9m, do nguồn vốn đầu tư hạn chế chỉ đầu tư lát gạch rộng 1,5m mỗi bên, phần còn lại chỉ đắp lè; ngoài ra qua khảo sát thực tế 1 số hộ dân có công trình kiến trúc vi phạm chỉ giới kiến nghị UBND vận động tháo dỡ, nếu không tháo dỡ được thì phần vỉa hè được đắp đất đến mép công trình.

Để đảm bảo tính đồng bộ so với dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai đã được đầu tư, đồng thời phù hợp với quy hoạch thành phố Pleiku giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Gia Lai đề xuất quy mô dự kiến như sau:

12.2.1. Đoạn Km0-Km0+950 và Km1+610-Km2+850, L=2.190m.

- Loại công trình : Đường giao thông
- Bề rộng nền đường : Bn = 30m
- Bề rộng mặt đường và dải phân cách: $B_{m+dpc} = 21m$, trong đó :
 - + Dải phân cách giữa : Bdpc= 3m
 - + Bề rộng mặt đường : Bm = 9mx2= 18m (kể cả đan rãnh)
 - Bề rộng vỉa hè : Bvh = 4,5mx2= 9m, trong đó lát gạch 1,5mx2=3m, phần vỉa hè còn lại dự kiến huy động dân tự gia cố.

- Tải trọng thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T

*** Kết cấu mặt đường:**

- Kết cấu loại 1: Kết cấu tăng cường trên mặt đường bê tông nhựa cũ:
 - + Lớp bê tông nhựa chặt C19mm dày 7cm (kể cả bù vênh).
 - + Tưới nhựa dính bám, TCN 0,5kg/m2.
 - + Mặt đường bê tông nhựa cũ.
- Kết cấu loại 2: Kết cấu mặt đường BTN cho các đoạn cạp lè, mở rộng, làm mới:
 - + Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm.
 - + Tưới nhựa thẩm bám, TCN 1,0kg/m2.
 - + Lớp CPDD loại I Dmax=25mm dày 15cm, lu lèn K \geq 98.
 - + Lớp CPDD loại I Dmax=37,5mm dày 15cm, lu lèn K \geq 98.
 - + Đất đồi chọn lọc đầm chặt K \geq 98 dày 30cm.

*** Hệ thống thoát nước:**

- Thoát nước dọc: Bố trí thoát nước dọc hai bên vỉa hè bằng cống tròn BTCT.
- Cống thoát nước ngang đường: Thiết kế mới cống hộp, tròn các loại.

*** Vỉa hè:** Trên vỉa hè lát gạch Block.

*** Hệ thống chiếu sáng:** Bố trí trên dải phân cách giữa.

* **Hệ thống an toàn giao thông:** Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

12.2.2. Đoạn Km0+950-Km1+610, L=660m. Giữ nguyên các hạng mục đã được đầu tư trong dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai, bổ sung dải phân cách giữa và đèn chiếu sáng trong dải phân cách, bổ sung bên phải tuyến các hạng mục chưa được đầu tư cho đồng bộ với qui mô toàn tuyến. Qui mô đầu tư như sau:

- Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m, bố trí đèn chiếu sáng trong dải phân cách giữa.
- Bổ sung bờ vỉa, đan rãnh bên phải tuyến.
- Bổ sung thoát nước dọc: Bố trí thoát nước dọc trên vỉa hè bên phải tuyến bằng cống tròn BTCT.
- Bổ sung vỉa hè bên phải rộng 4,5m: Trên vỉa hè lát gạch Block rộng 1,5m, phần vỉa hè còn lại dự kiến huy động dân tự gia cố.

2.3 Địa điểm và phạm vi đầu tư dự án:

2.3.1 Địa điểm:

Địa điểm xây dựng: Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2.3.2 Phạm vi đầu tư dự án:

Xây dựng hoàn chỉnh đường Tôn Đức Thắng với tổng chiều dài tuyến đường khoảng 2,85km.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư: 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng).

3.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Dự phòng ngân sách địa phương.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bao đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

4.1. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án: Năm 2019-2020.

4.2. Khả năng huy động các nguồn lực:

Dọc hai bên tuyến dân cư ở tương đối đồng đúc, vì vậy việc phát huy nguồn lực phục vụ cho việc thi công là rất dồi dào và hiệu quả.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

5.1. Các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án:

TT	Hạng mục	Thành tiền
1	Chi phí di dời hạ tầng kỹ thuật	12.000.000.000
2	Chi phí xây dựng công trình	58.728.000.000
3	Chi phí QLDA	1.170.000.000
4	Chi phí TVĐT xây dựng	4.256.000.000
5	Chi phí khác	3.676.000.000
6	Dự phòng	8.200.000.000
7	Tổng mức đầu tư	88.000.000.000

(Tám mươi tám tỷ đồng).

5.2. Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

Căn cứ Quyết định số 3409/2014/QĐ-BGTVT ngày 8/9/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, chi phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên trung bình năm là 200.000.000đồng/km x 2,85km = 570.000.000 đồng (tạm tính).

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội, xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội:

6.1.1. Chất lượng không khí:

Trong quá trình thi công tăng nồng độ bụi. Nhiệt độ cao, tốc độ gió vào những ngày thời tiết khô nóng cũng làm tăng lượng bụi. Việc khai thác, vận chuyển vật liệu cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

6.1.2. Tiếng ồn:

Nguồn gây ra tiếng ồn là do phải tập trung nhân lực để thi công, do các thiết bị thi công, tiếng ồn còn do khai thác và chế biến vật liệu xây dựng.

6.1.3. Ô nhiễm môi trường nước:

Trong quá trình thi công không tránh khỏi vật liệu đất, đá rơi vải, khi mưa sẽ kéo theo xuống sông, suối làm ô nhiễm nguồn nước.

6.1.4 Môi trường đất và xói lở:

Đất đai dọc tuyến đang được sử dụng cho việc phát triển du lịch. Khi triển khai dự án sẽ chiếm dụng diện tích đất đai và gây ô nhiễm môi trường đất, chủ yếu là các chất thải xây dựng. Ngoài ra trong quá trình thi công đào đắp nền đường sẽ gây ra hiện tượng xói lở khi mùa mưa đến cũng như ngập cản, làm thay đổi dòng chảy tự nhiên.

6.1.5. Các hệ sinh thái:

Trong quá trình thi công và khai thác sau này làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong vùng. Diện tích thực vật bị thu hẹp do công trình chiếm dụng.

Trên đây là dự báo những tác động khi thực hiện dự án có thể xảy ra. Tuy nhiên việc hạn chế và loại bỏ một số tác động tiêu cực trong quá trình thực hiện dự án đã và đang được thực hiện hiệu quả ở rất nhiều các dự án có quy mô tương tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Việc hoàn thành dự án trong thời gian nhanh nhất sẽ giảm thiểu tối đa những tiêu cực môi trường mà dự án mang lại.

6.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

Đường Tôn Đức Thắng chiếm một vị trí chiến lược quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế, du lịch của tỉnh Gia Lai.

Việc đầu tư dự án sẽ khắc phục tình trạng xuống cấp của các công trình hạ tầng thiết yếu, đảm bảo an toàn cho du khách đến tham quan, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, dịch vụ và phát huy thế mạnh du lịch của tỉnh.

Nếu tính từ khi bắt đầu khởi công xây dựng công trình cho đến lúc hoàn thành sẽ thu hút lượng lao động, từ đó đã giải quyết được việc làm cho một phần lao động của địa phương, nhu cầu sử dụng các vật liệu tại chỗ tăng cao.

7. Phân chia các dự án thành phần: không phân chia

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

Dự án được đầu tư xây dựng một lần và hoàn chỉnh trong 2 năm, bằng việc phân chia các gói thầu hợp lý về quy mô để thực hiện đồng thời.

Phương án di dời hạ tầng kỹ thuật: Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác di dời hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng thuộc phạm vi quản lý. Kinh phí thực hiện nội dung này được lấy từ nguồn vốn của dự án và hỗ trợ từ ngân sách của địa phương hưởng lợi.

Đối với phần vỉa hè còn lại ($3m$ lề đất thuộc vỉa hè) dự kiến huy động dân tự gia cố, vì vậy Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, Chủ đầu tư và các bên liên quan phối hợp vận động nhân dân. Chủ đầu tư và các bên liên quan có trách nhiệm xử lý kỹ thuật cắt giảm khối lượng và giá trị thực hiện theo thực tế đối với trường hợp không vận động được người dân đối với phần vỉa hè còn lại ($3m$ lề đất thuộc vỉa hè).

Khi chủ trương đầu tư dự án được thông qua, Chủ đầu tư phối hợp làm việc với các bên liên quan dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai, Hạng mục Hạ tầng khu du lịch Biển Hồ (đang thi công) xác định rõ các hạng mục dự kiến đầu tư thuộc lý trình Km0+950-Km1+610 (trùng đường Đ1 - dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai, Hạng mục Hạ tầng khu du lịch Biển Hồ, đưa ra giải pháp thi công hợp lý nhằm tránh trường hợp khi thực hiện các hạng mục thuộc dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phải phá bỏ các hạng mục vừa mới đầu tư tại dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai.

Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông kính trinh Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình cấp thẩm quyền quyết định quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai./.

Noi nhận:

- Như trên; *Như*
- Giám đốc (b/c);
- Các phòng QLDA, KT;
- Lưu: VT, KHTH;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Tiến

BẢNG UỚC TÍNH CHI PHÍ XÂY LẮP - TOÀN TUYẾN
CÔNG TRÌNH: TÔN ĐÚC THĂNG ĐOẠN KM0-KM2+850

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHOI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	TỔNG CỘNG XÂY LẮP (ĐỒNG)	GHI CHÚ
I	NỀN MẶT ĐƯỜNG					
	ĐOẠN KM0 - KM0+950 VÀ KM1+610 - KM2+850	km	2,85	13.060.210.526	37.221.600.000	
	- Nền, mặt đường BTTN	m2	2,19	16.520.000.000	36.178.800.000	
	- Dải phân cách	m	35040	885.000	31.010.400.000	
	- Bờ vỉa - đan rãnh	m	2190	800.000	1.752.000.000	
	- Vỉa Hè lát gạch Block	m2	4380	300.000	1.314.000.000	
	- Dải phân cách	m2	6570	320.000	2.102.400.000	
	ĐOẠN KM0+950 - KM1+610	km	0,66	1.580.000.000	1.042.800.000	
	- Bờ vỉa - đan rãnh	m	660	800.000	528.000.000	
	- Vỉa Hè lát gạch Block	m2	990	320.000	316.800.000	
II	CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC					
	ĐOẠN KM0 - KM0+950 VÀ KM1+610 - KM2+850	m	4527,00	3.068.257	13.890.000.000	
	Công trình thoát nước ngang (Cống hộp 100x100)	m	147,00	5.000.000	735.000.000	
	Cống thoát nước dọc cống tròn D100	m	4380	2.500.000	10.950.000.000	
	Hố ga, cống thu nước	Hố	147	15.000.000	2.205.000.000	
	ĐOẠN KM1+610 - KM2+850	m	660	3.227.273	2.130.000.000	
	Cống thoát nước dọc cống tròn D100	m	660	2.500.000	1.650.000.000	
	Hố ga, cống thu nước	Hố	32	15.000.000	480.000.000	
III	AN TOÀN GIAO THÔNG (ĐOẠN KM0 - KM0+950 VÀ KM1+610 - KM2+850)	km	2,19	500.000.000	1.095.000.000	
IV	ĐIỆN CHIẾU SÁNG	km	2,85	1.541.000.000	4.391.850.000	
	Điện chiếu sáng Đoạn km0 - Km0+950 và km1+610 - km2+850	m	2,19	1.541.000.000	3.374.790.000	
	điện chiếu sáng Đoạn km0+950 - km1+610	m	0,66	1.541.000.000	1.017.060.000	
	Tổng cộng xây lắp Đoạn km0 - Km0+950 và km1+610 - km2+850	km	2,19	24.903.465.753	54.538.590.000	
	Tổng cộng xây lắp Đoạn Km0+950 - km1+610	km	0,66	6.348.272.727	4.189.860.000	
	Tổng cộng xây lắp toàn tuyến	km	2,85	20.606.473.684	58.728.450.000	

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG, CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC

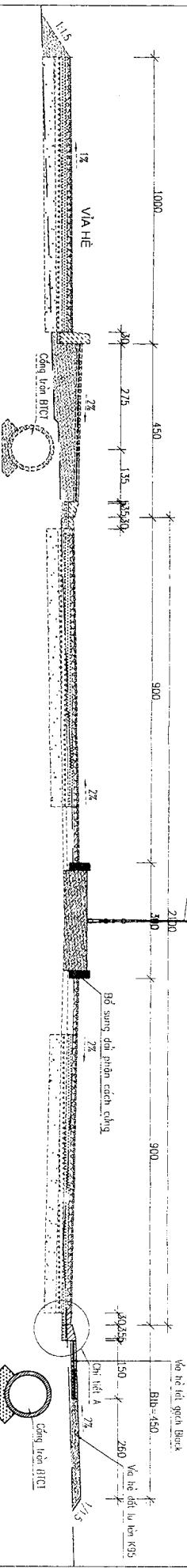
ĐỊA ĐIỂM: THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

TT	HẠNG MỤC CÔNG TÁC	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
1	CHI PHÍ DI DỜI HÀ TẦNG KỸ THUẬT	$G_{BT,TĐC} = \text{Tạm tính}$	12.000.000.000
2	CHI PHÍ XÂY DỰNG	$G_{XD} = (\text{Bảng tính kèm})$	58.728.450.000
3	CP QUẢN LÝ DỰ ÁN	$G_{QLDA} = G_{XD}/1,1 \times 2,1907\%$	1.169.604.000
4	CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	$G_{TV} = (4.1+..+4.24)$	4.225.754.000
4.1	Chi phí khảo sát BCNCKT	Tạm tính	450.000.000
4.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát NCKT	$G_{KS BCNCKT} \times 3,0000\%$	13.500.000
4.3	Chi phí lập báo cáo NCKT	$G_{XD}/1,1 \times 0,4937\% \times 1,1$	289.942.358
4.4	Chi phí lập HS mời thầu tư vấn lập BCNCKT	$G_{TV BCNCKT}/1,1 \times 0,8160\% \times 1,1 \times 45\%$	2.717.068
4.5	Chi phí đánh giá HS dự thầu tư vấn lập BCNCKT	$G_{TV BCNCKT}/1,1 \times 0,8160\% \times 1,1 \times 55\%$	3.320.861
4.6	Chi phí khảo sát BVTC	Tạm tính	620.000.000
4.7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát BVTC	$G_{KS BVTC} \times 3,0000\%$	18.600.000
4.8	Chi phí thiết kế BVTC	$G_{XD}/1,1 \times 1,1625\% \times 1,1$	682.718.231
4.9	Chi phí lập HS mời thầu tư vấn TKBVTC	$G_{TV TKBVTC}/1,1 \times 0,5935\% \times 1,1 \times 45\%$	3.479.235
4.10	Chi phí đánh giá HS dự thầu tư vấn TKBVTC	$G_{TV TKBVTC}/1,1 \times 0,5935\% \times 1,1 \times 55\%$	4.252.398
4.11	Chi phí thẩm tra BCNCKT	$G_{XD}/1,1 \times 0,1103\% \times 1,1$	64.777.480
4.12	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	$G_{XD}/1,1 \times 0,1110\% \times 1,1$	65.188.580
4.13	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	$G_{XD}/1,1 \times 0,1044\% \times 1,1$	61.312.502
4.14	Chi phí lập hồ sơ mời thầu thi công XD	$(G_{XD} + C_{HMC}) \times 0,1469\% \times 45\%$	40.375.340
4.15	Chi phí đánh giá HS dự thầu thi công XD	$(G_{XD} + C_{HMC}) \times 0,1469\% \times 55\%$	49.347.637
4.16	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$G_{XD}/1,1 \times 2,3125\% \times 1,1$	1.358.095.406
4.17	Chi phí lập hồ sơ mời thầu tư vấn giám sát	$G_{TV GS}/1,1 \times 0,7887\% \times 1,1 \times 45\%$	4.820.084
4.18	Chi phí đánh giá HS dự thầu TV giám sát	$G_{TV GS}/1,1 \times 0,7887\% \times 1,1 \times 55\%$	5.891.214
4.20	Chi phí giám sát công tác khảo sát NCKT	$G_{KS BCNCKT}/1,1 \times 4,0475\% \times 1,1$	18.213.750
4.21	Chi phí giám sát công tác khảo sát BVTC	$G_{KS BVTC}/1,1 \times 4,0475\% \times 1,1$	25.094.500
4.22	Chi phí giám sát đánh giá đầu tư	$G_{QLDA} \times 20,0000\%$	233.920.800
4.23	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	200.000.000
4.24	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (của tổ chức tư vấn)	Tạm tính theo bảng tính kèm	10.186.837
5	CHI PHÍ KHÁC	$G_K = (5.1+..+5.17)$	3.676.192.000
5.1	Phí thẩm định dự án đầu tư	$88.000.000.000 \times 0,0131\% \times 50\%$	5.764.000
5.2	Phí thẩm định thiết kế	$G_{XD}/1,1 \times 0,0213\%$	11.371.964
5.3	Phí thẩm định dự toán	$G_{XD}/1,1 \times 0,0201\%$	10.731.290
5.4	Chi phí thẩm định HS mời thầu TV BCNCKT	$G_{TV BCNCKT} \times 0,0500\% \text{ (lấy tối thiểu)}$	1.000.000
5.5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu TV BCNCKT	$G_{TV BCNCKT} \times 0,0500\% \text{ (lấy tối thiểu)}$	1.000.000
5.6	Chi phí thẩm định HS mời thầu tư vấn TKBVTC	$G_{TV TKBVTC} \times 0,0500\% \text{ (lấy tối thiểu)}$	1.000.000
5.7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu TV TKBVTC	$G_{TV TKBVTC} \times 0,0500\% \text{ (lấy tối thiểu)}$	1.000.000
5.8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu thi công XD	$(G_{XD} + C_{HMC}) \times 0,0500\%$	30.538.794

TT	HẠNG MỤC CÔNG TÁC	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
5.9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công XD	$(G_{XD}+C_{HMC}) \times 0,0500\%$	30.538.794
5.10	Chi phí thẩm định HS mời thầu tư vấn giám sát	$G_{TV GS} \times 0,0500\% \text{ (lấy tối thiểu)}$	1.000.000
5.11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu TV giám sát	$G_{TV GS} \times 0,0500\% \text{ (lấy tối thiểu)}$	1.000.000
5.12	Chi phí bảo hiểm công trình	$G_{XD ĐƯỜNG}/1,1 \times 0,4200\% \times 1,1$	246.659.490
5.13	CP kiểm tra công tác nghiệm thu đưa CT vào sử dụng (của CQ chuyên môn về XD)	Tạm tính theo bảng tính kèm	10.500.000
5.14	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	88.000.000.000 x 0,3990% x 50%	175.560.000
5.15	Chi phí kiểm toán quyết toán vốn đầu tư	88.000.000.000 x 0,6170% x 1,1	597.256.000
5.16	Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường	$G_{TTN+PBVMT} = \text{(Bảng tính kèm)}$	102.810.000
5.17	Chi phí hạng mục chung	$C_{HMC} = \text{(Bảng tính kèm)}$	2.349.138.000
6	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	$G_{DP} = (1+2+3+4+5) \times 10,28\%$	8.200.000.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	$G_{XDCT}=1+2+3+4+5+6$	88.000.000.000

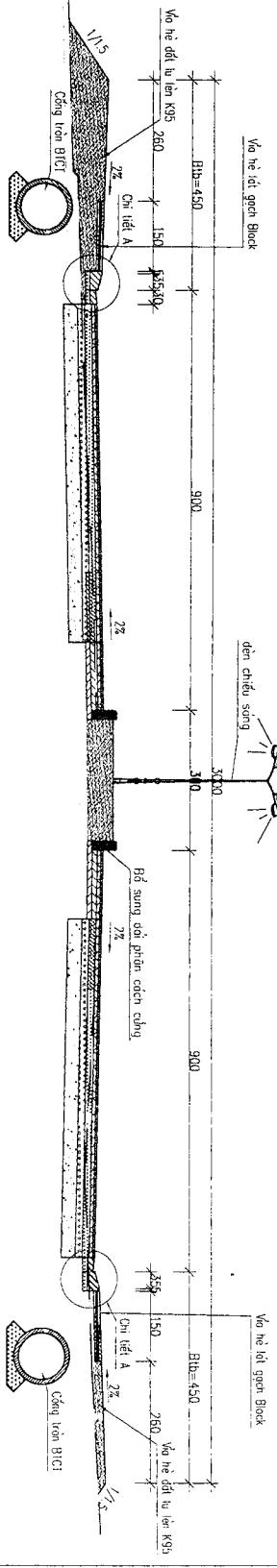
TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN

ĐOẠN KM0+950.00 - KM1+610.00M, BỎ SUNG ĐẢI PHÂN CÁCH, VĨA HÈ, THOÁT NUỐC, BVĐR BÊN PHẢI



TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN

ĐOẠN KM0+0.00 - KM0+950.00M & KM1+610M - KM2+850M, CẤP LÊ MỞ RỘNG MẶT ĐƯỜNG BM=21M, VĨA HÈ B=2X4,5M

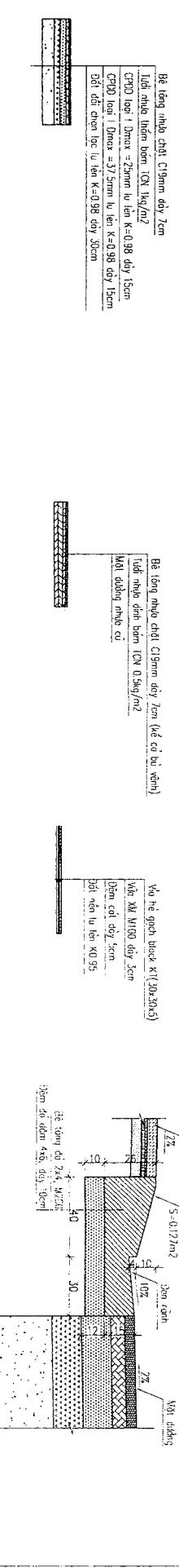


KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI

KẾT CẤU TĂNG CƯỜNG TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

KẾT CẤU VĨA HÈ LÁT GẠCH

CHI TIẾT A DẢN RẠNH BỎ VĨA



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 26/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 01 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-TTg ngày 22/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 16/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1611/BXD-QHKT ngày 03/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 104/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của UBND thành phố Pleiku tại Tờ trình số 319/TTr-UBND ngày 27/12/2017 và Báo cáo thẩm định số 05/BC-SXD ngày 08/01/2018 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch xây dựng với nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi và quy mô lập quy hoạch:

2.1. Phạm vi lập quy hoạch:

Thành phố Pleiku có tọa độ địa lý; từ 130 50'10" đến 14005'15" vĩ độ bắc, 1070 50'30" đến 1080 06'10" kinh độ đông.

Diện tích tự nhiên: 26.076,85 ha.

2.2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp huyện Chư Păh.
- Phía Nam giáp huyện Chư Prông và huyện Đak Đoa.
- Phía Đông giáp huyện Đak Đoa.
- Phía Tây giáp huyện Ia Grai.

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

3.1. Tính chất:

- Định hướng là đô thị loại I trực thuộc tỉnh, trung tâm tổng hợp vùng tỉnh Gia Lai.

- Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng Tây Nguyên: Trung tâm dịch vụ du lịch, thương mại – dịch vụ, trung tâm dịch vụ vận chuyển hàng hóa (logistic)...

- Là đầu mối giao thông liên vùng, cửa ngõ Vùng Tây Nguyên với các nước Đông Nam Á, đô thị hạt nhân trong tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia.

3.2. Mục tiêu:

- Xây dựng thành phố có thương hiệu “ Thành phố Pleiku – Cao nguyên xanh vì sức khỏe”; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị, phát triển kinh tế - xã hội - môi trường bền vững.

- Phấn đấu đạt tiêu chí là đô thị loại I trước năm 2020;

- Tiến tới xây dựng thành phố thông minh, phát triển đô thị có vai trò quan trọng trong hệ thống đô thị quốc gia, có sức hút đầu tư lớn và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trên một số lĩnh vực như du lịch - giáo dục - y tế - môi trường - phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao...

4. Các chỉ tiêu phát triển đô thị:

4.1. Quy mô dự báo dân số:

- Dân số hiện trạng: 272.200 người, trong đó: Dân số thường trú: 227.740 người; Dân số tạm trú, du lịch, sinh viên học sinh, lực lượng vũ trang...(dân số vãng lai, dân số quy đổi): 44.460 người.

- Năm 2020: Dân số toàn thành phố khoảng 370.000 người (trong đó nội thị khoảng 198.000 - 200.000 người, ngoại thị khoảng 50.000 - 52.000 người), dân số quy đổi khoảng 120.000 người.

- Năm 2030: Dân số toàn thành phố khoảng 500.000 người trong đó nội thị khoảng 268.000 - 270.000 người, ngoại thị khoảng 47.000 - 49.000 người, dân số quy đổi khoảng 183.000 người.

4.2. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Năm 2020: Đất xây dựng đô thị 168 m²/người tương đương 3.328,56 ha; Đất dân dụng 130 m²/người tương đương 2.865,39 ha.

- Năm 2030: Đất xây dựng đô thị 173 m²/người tương đương 4.654,79ha; Đất dân dụng 123 m²/người tương đương 3.295,6 ha.

Bảng tổng hợp cơ cấu Quy hoạch sử dụng đất thành phố Pleiku đến năm 2030

TT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2015			Quy hoạch năm 2020			Quy hoạch năm 2030		
		Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng
7	Đất cây xanh, TDTT kết hợp Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng (làng chăm sóc sức khỏe)				88,44			103,24		
8	Đất tôn giáo, di tích lịch sử văn hóa	30,88			30,88			30,88		
9	Đất giao thông cấp đô thị, giao thông đối ngoại	171,72			171,72			190		
B	Ngoại thị	18.731,53	100		18.731,5	100		17.732,9	100	
I	Đất XD khu dân cư nông thôn	2.144,89	11,45		2.235,43	11,93		3.367,3	19	
-	Đất ở	1.018,42			1.114,0			1.815		
-	Đất KCN, TTCN, kho bãi	258,5			325,0			400,0		
-	Đất chuyên dùng khác	867,97			796,43			1.152,59		
2	Đất khác	16.586,64	88,55		16.496,1	88,07		14.365,6	81	
-	Đất an ninh quốc phòng	677,83			677,83			271,79		
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	163,63			183,21			202,64		
-	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	11,56			11,56			11,56		
-	Đất nông, lâm nghiệp. Đất khác	14.802,78			14.837,4			12.979,48		
-	Sông suối và mặt nước CD	541,22			541,22			541,22		
-	Đất dự trữ phát triển							268,86		
-	Đất chưa sử dụng	319,62			159,81					
-	Đất cơ sở SXKD, cơ sở sx phi nông nghiệp ngoại thị	70,00			85,00			90,60		

5. Định hướng tổ chức phát triển không gian:

5.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:

5.1.1. Khu vực trung tâm hiện hữu:

- Là khu vực có vai trò là trung tâm chính trị- hành chính của Tỉnh, hình thành hệ thống đa trung tâm về văn hóa, về kinh tế... gắn với các không gian chức năng của đô thị như trung tâm hành chính - thương mại - dịch vụ, trung tâm tài chính - thương mại – văn phòng, trục cảnh quan du lịch nghệ thuật, tổ hợp y tế - thể thao, dịch vụ thương mại kết hợp với khu ở tạo nên một đô thị tập trung tổng hợp đa chức năng.

- Thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; điều chỉnh một số khu vực chức năng đô thị nhằm tái thiết xây dựng các chức năng mới phù hợp với định hướng chung của toàn khu vực.

5.1.2. Khu vực phát triển mới:

- Hình thành các trục cảnh quan đặc trưng đô thị gồm:

+ Trục cảnh quan đô thị: Khai thác tối đa không gian dọc suối Hội Phú, suối Ia Linh, hướng phát triển về phía không gian xanh và mặt nước, hình thành các không gian đô thị đặc trưng theo địa hình tự nhiên, tạo lập hình ảnh mới cho thành phố Pleiku.

+ Xây dựng các không gian mở đa dạng trên tinh thần tôn vinh văn hóa và không gian ở truyền thống các làng bản và cảnh đẹp tự nhiên của khu vực để gắn với phát triển dịch vụ du lịch, giải trí và sinh hoạt cộng đồng.

+ Nghiên cứu, xây dựng dập tràn điều tiết nước tại các khu vực vùng trũng, như đường Cách Mạng Tháng Tám, dọc suối Hội Phú, Gia Linh, hình thành hồ chứa nước tạo cảnh quan mặt nước cho thành phố Pleiku, tổ chức không gian cây xanh, công cộng, vườn hoa, công viên kết hợp với các không gian ở thấp tầng và mật độ thấp xung quanh hồ nhân tạo, các khu vực trũng trước đây là miệng núi lửa.

+ Trục cảnh quan du lịch – văn hóa- nghệ thuật đặc trưng kết nối Biển Hồ và núi Hàm Rồng.

- Trung tâm động lực mới - trung tâm tài chính, thương mại, văn phòng - tổ hợp văn phòng, tập trung các công trình trụ sở của các công ty, tập đoàn kinh tế. Trên cơ sở rà soát các quỹ đất thuận lợi, quỹ đất do nhà nước quản lý,... hình thành các không gian thương mại, các siêu thị, các khu hỗn hợp đa chức năng cho đô thị.

- Tổ hợp chăm sóc sức khỏe: Trên cơ sở khu vực tập trung các bệnh viện như bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai, bệnh viện Y Dược cổ truyền – phục hồi chức năng và một số bệnh viện chuyên ngành đã được quy hoạch, hình thành một tổ hợp chăm sóc sức khỏe – nghiên cứu khoa học ngành y dược.

- Khu ở mật độ thấp, thấp tầng xung quanh vùng trũng (miệng núi lửa âm) nhằm tận dụng quỹ đất đồng thời để bảo vệ không gian cảnh quan đặc trưng về địa hình của thành phố Pleiku. Phát triển có kiểm soát các dự án khu ở mới, khu ở được chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị tại các vùng trung tâm, vùng ven khu nội thị. Phát triển các dự án phát triển đô thị, các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hình thức đối tác công tư, các dự án nhà ở xã hội, tái định cư...

5.2. Định hướng phát triển không gian nông thôn và kết nối khu vực:

- Phát triển mô hình “nông nghiệp - đô thị”, duy trì hệ sinh thái nông - lâm nghiệp hiện hữu, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao. Nâng cấp các trung tâm xã hiện hữu theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Các điểm dân cư nông thôn có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, được tiếp cận nhiều tiện ích đô thị và có khả năng đổi phô với mùa khô hạn hàng năm và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển, bảo vệ hành lang nông nghiệp:

+ Vành đai phía Đông gồm các xã An Phú, Tân Sơn: Kết hợp tổ hợp chăm sóc sức khỏe với phát triển các không gian trồng cây dược liệu như: gừng, nghệ... Trồng rau, củ, quả, nấm, tạo ra các trang trại du lịch nông nghiệp địa phương. Vành đai phía Đông kết hợp các khu dịch vụ - du lịch Biển Hồ, khu du lịch Đồng Xanh với các khu sân golf, khu nhà ở sinh thái, công viên sinh thái và khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của huyện Đak Đoa.

+ Vành đai phía Tây Nam gồm khu vực xã Gào, Ia Kênh: Phát triển các cây dược liệu, cây công nghiệp và chăn nuôi. Đề xuất phát triển 2 loại hình nông nghiệp chính là nông nghiệp truyền thống theo quy mô hộ gia đình và nông nghiệp với giá trị

thương phẩm cao như trồng cây mắc ca, tiêu, trang trại nuôi bò, trồng dược liệu... (Nông nghiệp quy mô công nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Vành đai phía Tây kết nối với các Khu du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái nghỉ dưỡng đồi thông, khu du lịch sinh thái Xuân Thủy và các làng bản xã Ia Der huyện Ia Grai.

- Duy trì vành đai tự nhiên khu vực Biển Hồ nhằm bảo vệ nguồn nước quan trọng của thành phố; kết hợp phát triển du lịch - nghỉ dưỡng tại khu vực Biển Hồ theo hướng sinh thái, có kiểm soát gắn kết với du lịch nông nghiệp, làng bản của khu vực xung quanh Biển Hồ. Khu vực gắn kết với khu Biển Hồ chè, trực du lịch của huyện Chư Păh như núi Chư Đăng Ja, hồ thủy điện Ia Ly, các công trình tôn giáo, tâm linh...

- Trung tâm công nghiệp chính tại xã Trà Đa: Duy trì và lắp đầy khu công nghiệp hiện hữu, kiểm soát tác động môi trường, bổ sung trung tâm tiếp vận, kho tàng, bến bãi phục vụ cảng hàng không, khu đô thị dịch vụ ven hồ Trà Đa. Kết nối khu Công nghiệp Nam Pleiku tại huyện Chư Sê và huyện Chư Prông ở phía Nam thành phố Pleiku, định hướng lâu dài sẽ hình thành khu công nghiệp của tỉnh tại huyện Đak Đoa.

- Bảo tồn những di sản, những không gian công cộng đặc thù, bổ sung các công trình phục vụ phát triển du lịch như điểm hướng dẫn thăm quan, chợ sản phẩm địa phương... một cách hợp lý nhằm đảm bảo sự hài hòa của các làng đồng bào với không gian xung quanh.

6. Phân vùng kiểm soát:

6.1. Vùng phát triển đô thị (trung tâm hạt nhân), trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa - thể thao - du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe (A). Phân thành 06 khu vực theo từng chức năng và có chiều cao công trình được quản lý theo Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về quản lý độ cao chung ngai vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Công văn số 2101/TM-TC ngày 30/12/2011 của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Việt Nam về thiết lập, thống nhất quản lý bề mặt giới hạn chung ngai vật hàng không khu vực thành phố Pleiku. Cụ thể:

6.1.1. Phân khu A1 - Phân khu phía Bắc gồm A1-1 đến A1-4.

- Vị trí: Phường Yên Thế, Đồng Đa.

- Quy mô:

+ Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 1.503 ha;

+ Dân số đến 2030: khoảng 52.870 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 20% - 50%.

- Tầng cao: 1 - 7 tầng.

- Tính chất và chức năng: Khu nhà ở mật độ thấp.

6.1.2. Phân khu A2 - Phân khu phía Đông Bắc gồm A2-1 đến A2-2.

- Vị trí: Phường Thông Nhất, Đồng Đa.

- Quy mô:

+ Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 677 ha;

+ Dân số đến 2030: khoảng 5.600 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 10% - 40%.

- Tầng cao: 1 - 3 tầng.

- Tính chất và chức năng: Khu vực sân bay và quốc phòng.

6.1.3. Phân khu A3 - Phân khu trung tâm đô thị gồm A3-1 đến A3-21.

- Vị trí: Phường Thống Nhất, Yên Đỗ, Diên Hồng, Hội Thương, Hội Phú, Phù Đồng, Trà Bá, Hoa Lư, Trà Đa, Ia Kring.

- Quy mô:

- + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 2.700 ha;

- + Dân số đến 2030: khoảng 128.980 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 10% - 60%.

- Tầng cao: 2 - 18 tầng (tầng cao 7- 22 tầng áp dụng cho một số khu vực công trình điểm nhấn).

- Tính chất và chức năng: Không gian nội đô trung tâm, trung tâm tổng hợp.

6.1.4. Phân khu A4 - Phân khu phía Đông gồm A4-1 đến A4-3.

- Vị trí: Phường Thắng Lợi, Trà Đa.

- Quy mô:

- + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 994 ha;

- + Dân số đến 2030: khoảng 33.970 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 20% - 50%.

- Tầng cao: 2 - 7 tầng.

- Tính chất và chức năng: Nhà ở - dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái.

6.1.5. Phân khu A5 - Phân khu phía Đông Nam gồm A5-1 đến A5-2.

- Vị trí: Phường Chi Lăng.

- Quy mô:

- + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 1.160 ha;

- + Dân số đến 2030: khoảng 24.245 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 20% - 50%.

- Tầng cao: 1 - 7 tầng.

- Tính chất và chức năng: Nhà ở - dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái.

6.1.6. Phân khu A6 - Phân khu phía Tây Nam gồm A6-1 đến A6-3.

- Vị trí: Phường Hội Phú, xã Ia Kênh.

- Quy mô:

- + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 1.310 ha;

- + Dân số đến 2030: khoảng 22.936 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 20% - 50%.

- Tầng cao: 1 - 7 tầng.
- Tính chất và chức năng: Dân cư hiện trạng, quỹ đất dự trữ.

6.2. Vùng phát triển du lịch (B):

- Vị trí: Xã Tân Sơn.
- Quy mô:
 - + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 1.452 ha;
 - + Dân số đến 2030: khoảng 5.970 người.

- Mật độ xây dựng gộp (Brutto): 15% - 30%.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng.

- Tính chất và chức năng: Trung tâm du lịch sinh thái.

6.3. Vùng phát triển công nghiệp-Trung tâm tiếp vận, kho tàng, bến bãi (C):

- Vị trí: Xã Trà Đa.

- Quy mô:
 - + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 823 ha;
 - + Dân số đến 2030: khoảng 8.405 người.

- Mật độ xây dựng Brutto: 20% - 70%.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng (Riêng khu nhà ở dành cho chuyên gia và công nhân 2-7 tầng).

6.4. Vùng phát triển nông nghiệp (D):

- Vị trí: Xã Biển Hồ, Trà Đa, Chu Á, Chu Hdrông, An Phú.

- Quy mô:
 - + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 6.336 ha;
 - + Dân số đến 2030: khoảng 24.940 người.

- Mật độ xây dựng Brutto: 5% - 10%.

- Tầng cao: 1 – 3 tầng.

6.5. Vùng phát triển lâm nghiệp (E):

- Vị trí: Xã Ia kẽnh, xã Diên Phú, xã Gào.

- Quy mô:
 - + Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 9.122 ha;
 - + Dân số đến 2030: khoảng 9.086 người.

- Mật độ xây dựng Brutto: 5% - 10%.

- Tầng cao: 1 - 3 tầng.

* *Ghi chú: Trong trường hợp các công trình xây dựng trong từng vùng có yêu cầu đặc biệt về kiến trúc, tầng cao vượt hơn so với quy định trong đồ án này sẽ được cấp có thẩm quyền xem xét, quy định cụ thể, phù hợp với các yêu cầu về quản lý tĩnh không sân bay Pleiku và các quy định hiện hành khác có liên quan.*

7. Thiết kế đô thị:

- Khu vực trung tâm - khu đô thị hiện hữu: Ưu tiên cho các giải pháp cải tạo chỉnh trang, phát triển các công trình kiến trúc hiện đại mang bản sắc kiến trúc Việt Nam; tổ chức các công trình điểm nhấn xung quanh quảng trường và không gian mở; tạo lập các tuyến đi bộ và không gian sinh hoạt cộng đồng hướng về không gian xanh và mặt nước.
- Khu ở phát triển mới: Xây dựng các khu ở sinh thái kết hợp du lịch trên cơ sở tôn trọng địa hình, cảnh quan tự nhiên (khu vùng trũng - miệng núi lửa âm, suối Hội Phú,..) với mật độ thấp hướng tới là mô hình "đô thị xanh".
- Khu trung tâm hành chính - văn hóa - thương mại - dịch vụ: Cải tạo, nâng cấp để tạo thành quần thể kiến trúc tiêu biểu cho đô thị; tạo các khoảng đệm và không gian chuyển tiếp bằng hệ thống cây xanh, tiểu cảnh và tiện ích đô thị.
- Khu trung tâm tài chính - thương mại - văn phòng: Kiến trúc hiện đại kết hợp với các thủ pháp cảnh quan nghệ thuật tạo sự năng động, linh hoạt và bắt mắt, tạo điểm nhấn cho đô thị; kiểm soát chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, tạo các khoảng đệm và không gian chuyển tiếp.
- Làng du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe: Hình thức khu nghỉ dưỡng trong những bungalow với kiến trúc thuần Việt, kết hợp văn hóa địa phương, nội thất trang bị hiện đại, hài hòa.
- Khu công nghiệp - Trung tâm tiếp vận, kho tàng, bến bãi (logistic) Trà Đa: Xây dựng theo dạng tổ hợp bao gồm khu công nghiệp, kho tàng, bến bãi, nhà ở xã hội, tiện ích công cộng như nhà trẻ, trường học, trạm y tế, văn hóa... Kiến trúc dạng thấp tầng; mật độ xây dựng tối đa 70%, đảm bảo các dãi cây xanh cách ly với các khu vực liền kề.
- Chiều cao công trình theo mục 6 nêu trên.
- Khu vực Biển Hồ:
 - + Biển hồ tự nhiên (Biển hồ A): Định hướng phát triển công viên rừng bảo tồn, tạo vành đai xanh cách ly, cần tuân thủ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, cấm mốc ranh giới để cấm mọi hoạt động khai thác, xây dựng trái phép trong phạm vi này, tạo đường đi bộ kết hợp ngắm cảnh, thiết lập các điểm nghỉ chân, điểm ngắm cảnh kết hợp với các làng dân tộc xung quanh hồ.
 - + Biển Hồ nhân tạo (Biển hồ B): Phát triển hệ sinh thái cây xanh chuyên dụng bảo vệ hồ nước kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, các loại hình biệt thự sinh thái, kiến trúc phù hợp với Tây Nguyên, tôn trọng triết lý địa hình tự nhiên và môi trường cảnh quan, màu sắc hài hòa, mật độ xây dựng gộp thấp, tối đa 5%, chiều cao công trình từ 1-3 tầng.

8. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Giải pháp san nền:

Đối với khu vực đã xây dựng ổn định: Giữ nguyên cao độ nền hiện trạng, chỉ san nền cục bộ. Đối với khu vực xây dựng mới, tuân thủ các giải pháp san nền sau:

8.1.1. Phân khu A1: Phân khu phía Bắc

Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq$ Cao độ nền hiện trạng. Phường Yên Thế cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +732,5m$; Phường Đồng Đa cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +739,5m$.

8.1.2. Phân khu A2: Phân khu phía Đông Bắc

Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq$ Cao độ nền hiện trạng. Cao độ nền xây dựng mới tối thiểu: $H_{xd} \geq +735,5m$; khu vực thuộc Phường Đồng Đa cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +739,5m$.

8.1.3. Phân khu A3: Phân khu trung tâm đô thị

Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq$ Cao độ nền hiện trạng. Cao độ nền xây dựng mới tối thiểu: $H_{xd} \geq +720,5m$.

8.1.4. Phân khu A4: Phân khu phía Đông

Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq$ Cao độ nền hiện trạng. Phường Thắng Lợi cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +720m$. Xã Trà Đa cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +712,5m$.

8.1.5. Phân khu A5: Phân khu phía Đông Nam

Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq$ Cao độ nền hiện trạng. Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +738m$.

8.1.6. Phân khu A6: Phân khu phía Tây Nam

Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq$ cao độ nền hiện trạng. Xã Diên Phú cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +705m$; xã Ia Kênh cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +748m$; xã Gào cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xd} \geq +611m$.

8.2. Giải pháp thoát nước mưa:

8.2.1. Khu vực nội thị:

- Lưu vực thoát nước mưa chính bao gồm:

- + Lưu vực thoát nước mưa về suối Hội Phú;
- + Lưu vực thoát nước mưa về suối Gia Linh và thượng nguồn suối Ia RôDung;
- + Lưu vực thoát nước mưa về suối Ia Pơ Tâu, suối Ia RoMắc và suối Ia Chăm.

- Hình thức thu gom nước mưa:

+ Trong các khu vực Dự án: Ngoài việc cải tạo và nâng cấp các tuyến cống hiện trạng còn đầu tư xây dựng mới các tuyến cống theo các giai đoạn khác nhau;

+ Trên các trục đường đô thị và khu dân cư: Sử dụng cống tròn ngầm bằng BTCT với tiết diện D400 + D2000 kết hợp với mương xây đá ché, nắp đan bằng BTCT (hoặc cống hộp BTCT kín) với tiết diện BxH=600x600 đến BxH=2500x2500;

+ Khu vực có địa hình dốc: Sử dụng mương xây hở đón nước với tiết diện từ BxH: 800x1000 đến 1200x1200.

8.2.2. Khu vực ngoại thi:

- Sử dụng cống tròn ngầm bằng BTCT với tiết diện D600 + D2000 kết hợp với mương xây gạch, nắp đan bằng BTCT (cống hộp kín) với tiết diện từ BxH=600x600 đến BxH=1500x1500 đối với trục đường chính, khu dân cư;

- Sử dụng mương xây hở dồn nước không cho tràn xuống khu dân cư tại các sườn núi, sườn đồi với tiết diện từ BxH: 800x800 đến BxH:1200x1200.

8.3. Định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông:

8.3.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ: Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 14, quốc lộ 19 và tỉnh lộ 664 thành đường chính đô thị, quy mô mặt cắt 30m - 50m; Hình thành hành lang tuyến đường cao tốc Bắc - Nam và Quy Nhơn – Pleiku; Hình thành tuyến đường Hồ Chí Minh phía Tây Pleiku theo chiến lược phát triển giao thông quốc gia;

- Đường hàng không: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo sân bay Pleiku từ 3C lên 4C (Theo mã chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng Quốc tế ICAO) và sân bay quân sự cấp II.

8.3.2. Giao thông đối nội:

- Hình thành 4 trục liên khu vực theo hướng Bắc – Nam và 6 trục liên khu vực theo hướng Đông – Tây, quy mô mặt cắt từ 25-40m;

- Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường hiện hữu kết hợp đầu tư mới các tuyến chính khu vực kết nối các khu chức năng đô thị, các tuyến liên khu vực, quy mô mặt cắt ngang từ 15-30m;

- Tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống bến xe khách, xe tải, bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực cửa ngõ đô thị, gần các khu công nghiệp, khu vực tập trung đông dân cư, khu trung tâm thương mại, sân vận động, các công trình công cộng lớn, ...phục vụ vận chuyển hành khách và lưu thông hàng hóa;

- Điều chỉnh các nút giao thông chưa hợp lý giảm thiểu ùn tắc;

- Đường trong các khu phát triển mới được quy hoạch và đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo liên kết giữa các khu chức năng đô thị;

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống giao thông công cộng kết nối thành thị và nông thôn.

8.3.3. Bãi đậu xe, giao thông tĩnh:

- Định hướng đến năm 2020 có bốn bãi đậu xe chính cho thành phố, khu vực tiếp giáp với các trục giao thông đầu mối. Đảm bảo các phương tiện xe tải, tải trọng lớn có bãi đậu thuận tiện và không ảnh hưởng đến khu vực nội thị. Bến xe trung tâm: Bến xe Đức Long, các bến bãi đậu xe, đất dành cho giao thông tĩnh khu vực trung tâm được lập quy hoạch để có cơ sở quản lý và đầu tư.

- Các điểm bãi đậu xe khu vực khác sẽ cụ thể hóa tại quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

8.4. Định hướng cấp nước:

- Phân vùng Cấp nước:

+ Vùng 1: Gồm các xã Tân Sơn, Biển Hồ, Trà Đa và các phường Yên Thế, Đồng Đa, Thống Nhất.

+ Vùng 2: Gồm các phường Hoa Lư, Tây Sơn, Yên Đỗ, Diên Hồng, Hội Thương, Phù Đổng, Thắng Lợi, Hội Phú, Ia Kring và các xã Diên Phú, Chu Á, An Phú.

+ Vùng 3: Gồm các phường Trà Bá, Chi Lăng và các xã Chu HDrông, Ia Kênh, Gảo.

- Tổng lượng nước toàn thành phố đến năm 2020 dự kiến cần 60.000 m³/ngày, đến năm 2030 dự kiến là 100.000 m³/ngày.

- Nguồn nước cấp cho thành phố Pleiku kết hợp giữa nước ngầm (khai thác hạn chế giai đoạn đầu) và nước mặt Biển Hồ.

- Công trình đầu mối:

+ Nhà máy nước Biển Hồ (đường Tôn Đức Thắng): Công suất 30.000 m³/ngày.đêm đến 40.000 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy nước Gài Gòn – Pleiku (đường Phó Đức Chính): Công suất 30.000 m³/ngày.đêm đến 60.000 m³/ngày.đêm theo các giai đoạn phát triển.

+ Trạm bơm tăng áp phục vụ dẫn nước cho 02 nhà máy trên.

- Mạng lưới truyền dẫn chính: Sử dụng các tuyến ống truyền dẫn chính giữa các nhà máy nước hiện có. Xây dựng mới các tuyến ống truyền dẫn chính đường kính Φ500

- Φ600 liên kết nhà máy nước, trạm bơm tăng áp với mạng lưới cấp nước truyền dẫn hiện hữu.

- Mạng lưới phân phối: Xây dựng mới các tuyến ống phân phối Φ60-Φ150 đến từng khu dân cư.

- Cáp nước chữa cháy: Xem thuyết minh.

8.5. Định hướng cấp điện:

- Tổng công suất tiêu thụ của thành phố đến năm 2020 khoảng 98,2 MW, tương đương 109,11 MVA; đến năm 2030 khoảng 181,7 MW tương đương 201,89 MVA.

- Nguồn điện:

+ Trạm 110kV Biển Hồ công suất đến năm 2030 là (2x40)MW cấp cho khu vực phía Bắc thành phố.

+ Trạm Diên Hồng công suất đến năm 2030 là (2x63)MW cấp cho khu vực phía Nam thành phố.

+ Xây mới trạm biến áp 110/22kV Trà Đa, công suất đến năm 2030 là (2x40)MW cấp điện cho khu công nghiệp Trà Đa và bổ sung nguồn cấp cho khu vực lân cận.

+ Xây mới trạm biến áp 110/22kV Tây Pleiku, công suất đến năm 2030 là (2x40)MW cấp điện cho khu công nghiệp và bổ sung nguồn cấp cho khu vực lân cận.

+ Xây mới trạm biến áp 110/22kV Ia Kênh, công suất đến năm 2030 là 40MW, truyền tải công suất của các nhà máy phong điện lên điện áp 110kV.

- Lưới điện:

+ Lưới cao thế 500, 220kV, lưới điện 110kV: Rà soát, duy tu, xây mới các tuyến cao thế để đảm bảo nguồn điện được vận hành liên tục.

+ Lưới trung thế: Điện áp 22kV được chuẩn hóa cho phát triển lưới điện trung thế trên địa bàn thành phố.

+ Lưới hạ thế: Đôi với khu đô thị mới, các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị; Dự kiến sử dụng cáp ngầm hạ áp XLPE; các khu vực còn lại dự kiến sẽ sử dụng cáp vặn xoắn ABC, đường trực chính có tiết diện $\geq 4x95\text{mm}^2$, đường nhánh có tiết diện $\geq 4x70\text{mm}^2$.

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đường dây phục vụ chiếu sang đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi kèm.

8.6. Định hướng hệ thống thông tin liên lạc:

- Đến năm 2020: Hoàn thiện mạng băng thông rộng đến hầu hết số thôn, làng; phủ sóng băng rộng di động 3G, 4G đến 95% dân cư.

- Quy hoạch xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thống nhất, đồng bộ. Triển khai ngầm hóa mạng cáp viễn thông, chỉnh trang hệ thống các cột anten theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, đảm bảo yêu cầu cảnh quan môi trường, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh Gia Lai đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 10/8/2017.

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện mạng lưới bưu chính, viễn thông rộng khắp khu vực; Đẩy mạnh việc phát triển mạng truy nhập băng rộng đến từng hộ gia đình. Mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng băng rộng di động nhằm cung cấp khả năng truy cập băng thông rộng vô tuyến cho cá nhân mọi lúc, mọi nơi. Phát triển đi đôi với quản lý và khai thác có hiệu quả, ổn định, bền vững.

- Dự kiến toàn đô thị đến năm 2020 có 100.440 thuê bao, đến năm 2030 có 196.875 thuê bao.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp toàn bộ tuyến cáp quang trong thành phố lên trên 2,5Gbps. Băng thông của mạng truyền dẫn đảm bảo phục vụ truyền khối lượng dữ liệu lớn giữa các đơn vị, phục vụ cho các ứng dụng đòi hỏi băng thông rộng như hội nghị từ xa, truyền số liệu tốc độ cao...

- Xây dựng tuyến cáp quang từ Host thành phố Pleiku – Diên Phú, phục vụ tổng dài lắp mới Diên Phú, với chiều dài tuyến 8km.

8.7. Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn:

8.7.1. Thoát nước thải:

Tổng lưu lượng nước thải đến năm 2020 khoảng 35.000 m³/ngày; giai đoạn đến năm 2030 khoảng 60.000 m³/ngày. Trong đó:

- Lượng nước thải sinh hoạt nội thị: 2020 là 27.000 m³/ngày. 2030 là 49.000 m³/ngày;

- Lượng nước thải sinh hoạt ngoại thị: 2020 là 5.000 m³/ngày. 2030 là 6.000 m³/ngày;

- Lượng nước thải công nghiệp tập trung: 2020 là 3.000 m³/ngày. 2030 là 5.000 m³/ngày.

8.7.2. Thu gom và xử lý nước thải:

- Khu vực nội thị chia thành 02 lưu vực chính:

+ Lưu vực phía Đông quốc lộ 14: Thu gom bởi hệ thống cống đường kính D300 - D800, cống bao D400 - D1000 dẫn về nhà máy xử lý nước thải tại Trà Đa công suất 49.000 m³/ngày (năm 2030) làm sạch trước khi xả ra suối Ia Pơ Tâu;

+ Lưu vực phía Tây đường quốc lộ 14: Thu gom bởi hệ thống cống thoát nước thải đường kính D300-D500 dẫn về nhà máy xử lý nước thải Diên Phú công suất 8.000 m³/ngày (năm 2030) làm sạch trước khi xả ra suối Ia Boa.

- Khu vực ngoại thị:

+ Nước thải sinh hoạt: Xử lý cục bộ bởi các bể tự hoại trước khi được thu gom bởi hệ thống mương xây có tấm đan, thoát nước chung với nước mưa và làm sạch bằng các hồ sinh học;

+ Nước thải tiêu thụ công nghiệp: Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải và thu khí gas phục vụ sinh hoạt; Đối với Cụm công nghiệp phải có khu xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải y tế: Nước thải từ các cơ sở y tế phải thu gom và xử lý cục bộ đạt yêu cầu môi trường mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống thu nước thải: Xem thuyết minh.

8.7.3. Quản lý chất thải rắn (CTR):

- Toàn bộ khối lượng CTR sinh hoạt thu gom của thành phố Pleiku, sẽ được vận chuyển và đưa về xử lý tại khu xử lý xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Công suất xử lý đến năm 2020 là 300 tấn/ngày, quy mô khoảng 48ha, năm 2030 là 400 tấn/ngày, quy mô khoảng 66 ha;

- Đối với CTR công nghiệp nguy hại: Xử lý riêng tại khu xử lý công nghệ đốt CTR công nghiệp nguy hại trong khu xử lý tập trung tại xã Gào;

- Đối với các bệnh viện: Thu gom CTR y tế nguy hại và đưa về đốt ở nhiệt độ cao có xử lý khí thải lò đốt tại khu xử lý CTR nguy hại trong khu xử lý tập trung tại xã Gào;

- Đối với các cơ sở y tế ngoại thị: Khử khuẩn bằng nhiệt ẩm, sau đó nghiền và chôn lấp theo quy định.

8.7.4. Quản lý nghĩa trang - nhà tang lễ:

- Dự báo nhu cầu đất nghĩa trang tới năm 2020 là 15 ha; 2030 là 19 ha (chưa tính đất cho công trình giao thông và các công trình phụ trợ như hệ thống thu gom và xử lý nước thải, lò hỏa táng, nhà quản trang, sân hành lễ, cây xanh, hàng rào,...);

- Đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, cải tạo thành công viên nghĩa trang đối với nghĩa trang tập trung của thành phố tại phường Ia Kring, quy mô 24,68 ha;

- Trồng cây xanh cách ly đối với nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Gia Lai tại phường Phù Đổng, quy mô 3,78ha;

- Đóng cửa, ngừng chôn cất, cải tạo môi trường (trồng cây, thu gom xử lý nước rỉ từ hầm mộ...) đối với các nghĩa trang phân tán hiện hữu tại các phường Thắng Lợi, Yên Thế và các xã: Tân Sơn, Chư HDrông, Biển Hồ, Chư Á, An Phú, Ia Kênh, Gào; Di dời về nghĩa trang tập trung của thành phố tại Trà Đa và Ia Kênh. Quy mô tổng là 103,31ha;

- Tiếp tục quản lý, sử dụng nghĩa trang hiện hữu của thành phố tại xã Trà Đa và Biển Hồ. Quy mô đang sử dụng là 12,57ha (quy mô này thuộc xã Biển Hồ). Nghĩa trang này đã đưa vào sử dụng từ năm 2006, quy mô giao đất là 45,6ha; để xuất giữ nguyên quy mô đất nghĩa trang này cho các giai đoạn phát triển của Thành phố. Phần quy mô mở rộng mới thuộc xã Trà Đa. Bố trí các công trình như lò hỏa táng, nhà quản lý, bãi đỗ xe nhỏ trong khuôn viên;

- Bổ sung 01 nghĩa trang tập trung tại khu vực phía Nam, vị trí tại xã Ia Kênh, quy mô năm 2020 là 10ha, năm 2030 là 55ha. Bố trí các công trình như lò hỏa táng, nhà quản lý, bãi đỗ xe nhỏ trong khuôn viên...

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường:

- Xác định những lĩnh vực sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm cần ưu tiên để thực hiện mục tiêu kết hợp phát triển và bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

- Hình thành chuỗi "không gian xanh" liên hoàn và án tượng, góp phần tăng thêm diện tích cây xanh tính trên đầu người khoảng 10 m²/người - 20 m²/người.

- Bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái cảnh quan và thái mặt nước.

- Đến năm 2025 có 100% lượng nước thải, 100% chất thải rắn sinh hoạt, 100% rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Chống tình trạng thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất do phát triển cây công nghiệp.

- Giảm thiểu tai biến, rủi ro môi trường như khan hiếm, cạn kiệt nguồn nước ngầm, sụt lún đất do khai thác nước ngầm quá mức, nguy cơ ngập lụt đô thị.

- Cân bằng giữa mục tiêu, định hướng quy hoạch và mục tiêu môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng đợt đầu đến năm 2020:

10.1. Các dự án tăng cường nhận diện hình ảnh:

- Nâng cấp chỉnh trang không gian khu trung tâm kết hợp các giải pháp thiết kế đô thị.

- Giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ đất, hình thành tổ hợp văn phòng, tập trung các công trình trụ sở của các công ty, tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp thương mại, các công trình thương mại –dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, công trình công cộng, giáo dục, y tế....

- Tăng cường không gian cây xanh, mặt nước, công trình văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, công trình diễm nhân đô thị;

10.2. Các dự án kêu gọi đầu tư cụ thể:

10.2.1. Dự án phát triển đô thị:

- Tổ hợp đất hỗn hợp thương mại, dịch vụ, chăm sóc sức khỏe - nghiên cứu khoa học, giáo dục, khu ở, nghỉ dưỡng, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cây xanh môi trường, thể dục thể thao... (khu vực CK54);

- Hình thành không gian sinh thái -môi trường kết hợp với các chức năng khác khu vực suối Hội Phú, Ia Linh, các khu vực miệng núi lửa, các khu vực cảnh quan môi trường và thoát nước đô thị....
 - Chú trọng thiết kế đô thị trong khu vực nội đô trung tâm, đặc biệt là trung tâm hành chính - chính trị - thương mại - dịch vụ và khu vực 2 bên suối Hội Phú; Phát triển hạ tầng kết hợp với phát triển đô thị như khu vực đường Nguyễn Văn Linh, đường 17/3, đường Nguyễn Chí Thanh,...
 - Hình thành các trục chính đô thị, đường liên khu vực gắn với phát triển đô thị, phát triển và kiểm soát các khu dân cư mới...
 - Cụm phát triển công nghiệp tập trung Trà Đa: Mở rộng khu công nghiệp Trà Đa; hình thành khu trung tâm tiếp vận, kho tàng, bến bãi (Logistic), đô thị nhà ở xã hội phục vụ công nhân;
 - Duy trì, cải tạo vùng bảo vệ cách ly xung quanh Biển Hồ tự nhiên; bổ sung các không gian ngầm cảnh, các đường dạo vành đai và một vài điểm cung cấp dịch vụ xung quanh Biển Hồ;
 - Cải tạo, chỉnh trang 05 làng dân tộc lân cận: Làng Têng, Brugol, Brel, Sơ và Phung. Đưa ra sản phẩm du lịch đa dạng: du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch cảnh quan;
 - Xây dựng các làng áp dụng mô hình làng du lịch: làng Plei Óp kết hợp với tổ hợp chăm sóc sức khỏe; Làng Plei Brugol, Plei Brel, Plei Sơ, Plei Phung 1, Plei Phung 2, Plei Têng ở khu vực xung quanh Biển Hồ, kết hợp với cụm phát triển dịch vụ - du lịch Biển Hồ;
 - Bảo tồn tất cả những di sản, những không gian công cộng đặc thù. Quy hoạch công trình phục vụ phát triển du lịch;
 - Duy trì các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi theo các phương pháp khoa học kỹ thuật mới nhằm nâng cao năng suất.
- 10.2.2. Các dự án về hạ tầng kỹ thuật:**
- Giao thông: Nâng cấp cải tạo các tuyến QL 14 và 19; tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện sân bay Pleiku từ cấp 3C lên 4C (Theo mã chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng Quốc tế ICAO) và sân bay quân sự cấp II; Đầu tư các trục đường chính như Nguyễn Văn Linh, đường 17/3, đường Trần Phú nối dài qua khu Du lịch văn hóa, tâm linh sinh thái nghỉ dưỡng đổi mới, nâng cấp đường Tôn Thất Thuyết, các tuyến chính đấu nối khu CK54, chỉnh trang các tuyến đường hiện trạng
 - Cấp thoát nước, vệ sinh môi trường:
 - + Mở rộng mạng lưới cấp nước chính, nâng công suất Nhà máy nước Biển Hồ đạt công suất 30.000 m³/ngày và hệ thống đường ống cấp nước phân phối phục vụ cho từng khu dân cư;
 - + Xây dựng mạng lưới thoát nước bẩn, nhà máy xử lý nước thải tại xã Trà Đa công suất 25.000 m³/ngày;
 - + Mở rộng Khu xử lý CTR tại làng C xã Gào, công suất 220 tấn/ngày, quy mô 48 ha;
 - + Nâng cấp mạng lưới thoát nước mặt đô thị.

- Cấp điện:

+ Xây mới trạm biến áp 110/22kv Trà Đa công suất (1x40)MW, trạm biến áp 110/22kv Ia Kênh công suất (1x40)MW, nhánh rẽ trạm 110kV trên tuyến đường dây 110Kv Diên Hồng - Chu Sê, nhánh rẽ trạm 110kv Trà Đa chuyển tiếp trên đường dây 110Kv Pleiku – Mang Yang và một số tuyến cao thế khác.

+ Cải tạo, chuyển đổi mạng lưới trung thế 35kV về cấp điện áp chuẩn 22kV.

- Công nghiệp:

+ Mở rộng khu công nghiệp tập trung Trà Đa, xây dựng khu đô thị nhà ở xã hội phục vụ công nhân khu công nghiệp có kết hợp các dịch vụ phụ trợ xung quanh hồ Trà Đa;

+ Tiếp tục thu hút đầu tư tại Cụm công nghiệp Diên Phú;

- Du lịch, dịch vụ, thương mại: Xây dựng trung tâm du lịch dịch vụ Biển Hồ, trung tâm hội chợ triển lãm, chợ đầu mối nông sản và các dự án đã có chủ trương đầu tư trên địa bàn thành phố Pleiku.

Điều 2. Giao cho UBND thành phố Pleiku tổ chức công bố và triển khai thực hiện quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Công thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Pleiku và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

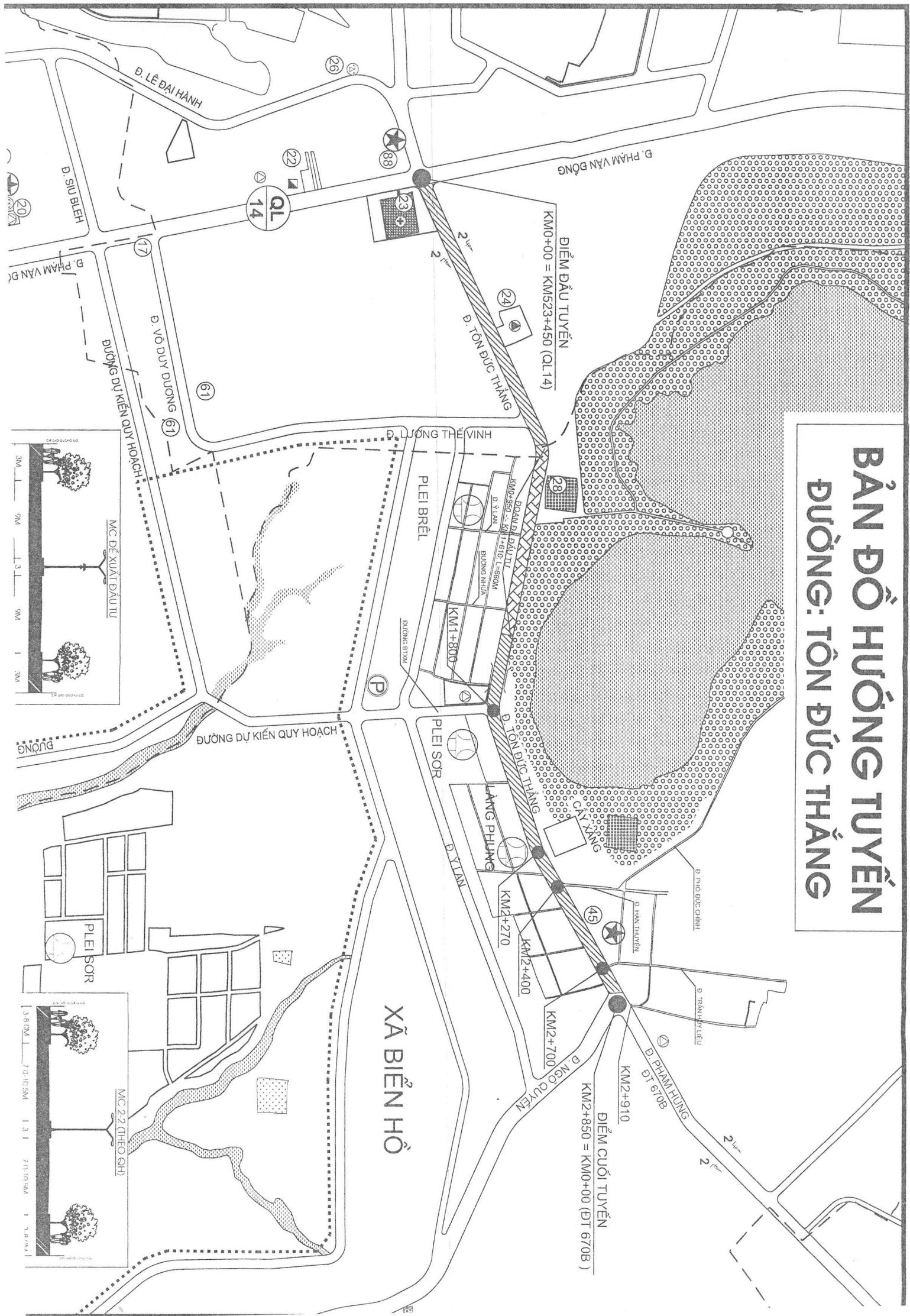
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đ/c Chánh VP và các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, KTTH, NL, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Võ Ngọc Thành

BẢN ĐỒ HƯỚNG TUYẾN ĐƯỜNG: TÔN ĐỨC THẮNG



Số: 14/2002/QĐ-UB

Pleiku, ngày 19 tháng 3 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
Đặt tên mới và đổi tên một số đường phố ở thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Điều 44 - Luật tổ chức HĐND và UBND năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 91/CP ngày 17/08/1994 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và phân cấp đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2002/NQ-HĐ ngày 15/02/2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá VIII, kỳ họp thứ 5 về việc đặt tên mới và đổi tên một số đường phố ở thành phố Pleiku;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Đặt tên mới 48 đường phố và đổi tên 09 đường phố ở thành phố Pleiku có danh sách kèm theo.

Điều 2: Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku phối hợp với các ngành có liên quan triển khai đồng bộ việc cắm mốc, gắn bảng tên đường, cấp biển số nhà và phổ biến tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, nhân dân.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Pleiku và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Nguyễn Vỹ Hà

**DANH SÁCH ĐƯỜNG ĐẶT TÊN MỚI VÀ ĐỔI TÊN Ở THÀNH PHỐ
PLEIKU**

*(Kèm theo Quyết định số 14/2002/QĐ-UB ngày 19-3-2002
của UBND tỉnh Gia Lai)*

STT	Tên đường	Tên cũ	Điểm đầu, điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng chỉ giới (m)	Loại đường	Địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8
I- 1	Đặt tên mới Bùi Dự	Hẻm 678 và hẻm 483 đường Cách Mạng	Trường Bùi Dự làng Pleiop	1.000	10	Nhựa	Phường Hoa Lư
2	Phan Đình Giót	Hẻm 88 Lê Lợi và Hẻm 24 Tô Vĩnh Diện	Tô Vĩnh Diện (Trường cấp I Hoa Lư) Lê Lợi (cửa hàng may mặc)	1.200	10	Nhựa	"
3	A Ma Quang	Hẻm 380B Cách Mạng	Cách mạng (Tập thể C.nhân nhà máy điện) - Suối (đi ngã ba Phù Đổng)	350	11	Nhựa	"
4	Lương Thanh	Hẻm 446 Cách Mạng	Cách Mạng - Khu tập thể Ngân hàng	300	11	Nhựa	"
5	Lê Thị Hồng Gấm	Hẻm 63 Lê Lợi	Lê Lợi (Đối diện trường cấp II Hoa Lư) - đường Lý Thái Tổ	800	10	Nhựa + đất	Phường Tây Sơn + Yên Đỗ
6	Tôn Thất Thuyết	Hẻm XN bánh kẹo	Lê Lợi - Lê Thị Hồng Gấm và Đường 17/3	1.300	21	Nhựa	"
7	Nguyễn Thiép	Hẻm đường Hồ Gia Be	Hùng Vương nối dài - Phan Đình Phùng	1.500	16	Đất	Phường Yên Đỗ + Diên Hồng
8	Bà Triệu	Hẻm 391 Hùng Vương	Hùng Vương (hẻm 391) vào khu dân cư	500	10	Nhựa	Phường Hội Phú
9	Nguyễn Trung Trực	Đường song song đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Thái Tổ cuối đường	500	16	Đất	"

STT	Tên đường	Tên cũ	Điểm đầu, điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng chỉ giới (m)	Loại đường	Địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Nay Đer	Hẻm 451 Hùng Vương	Hùng Vương (hẻm 451) vào khu dân cư	800	14	Nhựa	"
11	Ngô Gia Khảm	Hẻm 117 Nguyễn Viết Xuân	Nguyễn Viết Xuân - xã Trà Bá (tổ 6)	700	12	Đất + Nhựa	"
12	Phù Đổng	Đường vào XNVT hàng hóa	Quốc lộ 19 (cũ) - Trại ký luật quân đội	800	21	Nhựa	Trà Bá
13	Lê Văn Tám	Hẻm vào nhà ông Võ Đằng quốc lộ 19 (Km 166+880 quốc lộ 19)	Đối diện XN xe khách (QL 19) khu dân cư	500	10	Nhựa	Trà Bá
14	Huyền Trần Công Chúa	Hẻm cạnh Công ty Xây dựng 45, quốc lộ 19 (km 166 + 700 QL 19)	Quốc lộ 19 (gần thủy lợi 5) khu dân cư giáp suối	500	10	Nhựa	"
15	Ngô Thị Nhậm	Hẻm 179 quốc lộ 19	Quốc lộ 19 (honda Tuấn) Tôn Thất Tùng	800	10	Đất	"
16	Triệu Quang Phục	Hẻm cạnh Nghĩa trang Liệt sĩ quốc lộ 19 (km 165+300 QL 19)	Nghĩa trang Liệt sĩ (QL 19) Trần Văn Bình	1.300	20	Đất	"
17	Lý Nam Đé	Đường vào cơ khí tinh cũ	Quốc lộ 19 (cạnh Công ty Xây dựng 2) Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 19B)	1.500	30	Nhựa	"
18	Chu Văn An	Hẻm 537 quốc lộ 14	Quốc lộ 14 Lý Nam Đé	600	12	Nhựa	"
19	Nguyễn Bá Ngọc	Hẻm cạnh Bưu điện Trà Bá, QL 14 (km 532+900 QL 14)	Quốc lộ 14 (XN 17/3) Lý Nam Đé	1.200	10	Đất	"
20	Nơ Trang Long	Hẻm 51 quốc lộ 14	Quốc lộ 14 (quán cơm 59) Lý Nam Đé	600	15	Nhựa	
21	Lạc Long Quân	Hẻm cạnh Công ty Lam Sơn, quốc lộ 19 (km 164+300 QL	Quốc lộ 19 (nhà khách QĐoàn 3) vào bãi tập xe	1.200	14	Nhựa	Xã Chu Á

STT	Tên đường	Tên cũ	Điểm đầu, điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng chỉ giới (m)	Loại đường	Địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8
		19)					
22	Âu Cơ	Hèm cạnh nhà ông Hiên, QL 19 (km 163+300 QL 19)	Quốc lộ 19 (đồi điện D8) vào bãi tập xe	1.000	14	Đá	"
23	An Dương Vương	Hèm cạnh nhà ông Hoàng Lê quốc lộ 19 (km 163+600 QL 19)	Quốc lộ 19 (đồi điện Trại gà cũ) khu dân cư	1.200	10	Đất	"
24	Anh Hùng Đôn	Hèm cạnh nhà ông Đường, quốc lộ 19 (km 163+100 QL 19)	Quốc lộ 19 - Quốc lộ 19 Bic	500	10	Nhựa	"
25	Hàm Nghi	Hèm cạnh Doanh nghiệp Đức Cường (km 160+800 QL19)	Quốc lộ 19 (nhà xưởng Đức Cường) đường tránh Trà Đa	1.300	10	Đá	"
26	Lý Thường Kiệt	Đường tránh	Quốc lộ 19 (Chư Á) - Ngã ba xã Trà Đa (Trần Văn Bình)	2.000	50	Nhựa	Xã Trà Đa
27	Ngô Quyền	Đường tránh	Ngã ba Trà Đa (Trần Văn Bình) Ngã ba Biển Hồ - Tân Sơn	3.000	50		
28	Tôn Thất Tùng	Đường vành đai cạnh nhà ông Đặng Văn Thái (đường BV mới)	Quốc lộ 19 (Trà Bá) Cách mạng Tháng 8 (Công Ia Sol)	1.200	30	Nhựa	Trà Bá + Trà Đa
29	Trần Văn Bình	Nối tiếp Tôn Thất Tùng	Cách mạng Tháng 8 đến Lý Thường Kiệt (Trà Đa)	1.800	30		
30	Tôn Đức Thắng	Đường vào xã Biển Hồ	Ngã tư Biển Hồ + xã Tân Sơn	1.500	30	Nhựa	Biển Hồ + Yên Thế
31	Lê Chân	Đường vào trạm biến áp 110 KW	Quốc lộ 14 (Chân đồi Đức Mẹ) Nguyễn Văn Linh	800	30	Nhựa	"
32	Yết Kiêu	Hèm 97 Lê Lợi nối dài	Lê Lợi (Cảng Xì Dầu) Suối	250	14	Nhựa	Thống Nhất

STT	Tên đường	Tên cũ	Điểm đầu, điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng chỉ giới (m)	Loại đường	Địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8
33	Trần Quang Diệu	Hẻm 103B Lê Lợi nối dài	Lê Lợi - Đoàn Địa chất 709 (cũ)	450	12	Nhựa	Phường Thống Nhất
34	Phan Đăng Lưu	Hẻm 117 Lê Lợi nối dài	Lê Lợi - Trường cấp II Thống Nhất	250	12	Nhựa	"
35	Phạm Ngọc Thạch	Hẻm đối diện BV 211 + đường vào BV 211 + Hẻm vào thôn 17/3	Công bệnh viện 211 - QL 14 Lý Thái Tổ - Qua thôn 17/3 (Yên Thế)	1.600	14	Nhựa + đất	"
36	Kim Đồng	Hẻm cạnh quán cơm Hồng Hà, Lê Lợi nối dài (km 524+550 QL 14)	Quốc lộ 14 (Cảng xăng dầu 331) Lý Thái Tổ	450	10	Đất	"
37	Siu Bleh	Hẻm cạnh quán cơm Kim Oanh (km 524+650 QL 14)	Quốc lộ 14 Lý Thái Tổ	450	10	Đất	"
38	Đinh Công Tráng	Đường vào đơn vị Bộ đội Biên phòng	Quốc lộ 14 (Tây Đô) Đơn vị Bộ đội Biên phòng	200	14	Nhựa	Phường Thống Nhất
39	17 tháng 3	Đường vào sân bay	Quốc lộ 14 - Sân bay	1.500	25	Nhựa	"
40	Hồ Tùng Mậu	Đường vào trường Quân Chính	Đường vào sân bay (đường 17/3) trường Quân Chính	7.000	20	Nhựa	"
41	Trần Nhật Duật	Đường từ ngã ba Diên Phú, Hùng Vương nối dài	Hùng Vương (đường vào xã Diên Phú) - Diên Phú	3.000	20	Nhựa	Phường Ia Kring
42	Võ Trung Thành	Hẻm bên trái ký túc xá Cao đẳng Sư phạm	Lý Thái Tổ ký túc xá (đường vào hồ Diên Hồng) - sau hồ Diên Hồng	500	16	Đất	Phường Ia Kring
43	Nguyễn Đường	Hẻm bên phải ký túc xá Cao đẳng Sư phạm	Lý Thái Tổ (Khu KT xá Sư Phạm) Dân cư	500	16	Đất	"
44	Nguyễn	Hẻm cạnh nhà ông	Lý Thái Tổ Khu dân cư	500	16	Đất	"

STT	Tên đường	Tên cũ	Điểm đầu, điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng chỉ giới (m)	Loại đường	Địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thái Bình	Phương - Lý Thái Tổ (km 19+ 60 Tỉnh lộ 672)					
45	Thi Sách	Đường A1	Hai Bà Trưng (A1) Trần Phú	300	11	Nhựa	P.Diên Hồng
46	Ngô Gia Tự	Đường A2	Hai Bà Trưng (A2) Trần Phú	300	11	Nhựa	"
47	Nguyễn Tri Phương	Hẻm 117 Sư Vạn Hạnh	Sư Vạn Hạnh (đường dốc) Phường Hội Phú	250	10	Đất	P.Hội Thương
48	Phùng Hưng	Hẻm 56 Lê Lợi	Lê Lợi (Cạnh Công ty Thương mại) - Suối	200	10	Nhựa	"
49	II- Đổi tên: Lê Duẩn	Quốc lộ 19 cửa ngõ phía Đông	Ngã ba Phù Đổng - Đường tránh	4.000	50	Nhựa	Trà Bá + Chư Á
50	Trường Chinh	Hùng Vương nối dài cửa ngõ phía Nam	Ngã ba Phù Đổng, ngã tư Lâm nghiệp	4.000	50	Nhựa	Trà Bá
51	Phạm Văn Đồng	Lê Lợi nối dài cửa ngõ phía Bắc	Ngã ba Hoa Lư - ngã tư Biển Hồ	5.000	35	Nhựa	Hoa Lư T.Nhát Yên Thê
52	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương nối dài cửa ngõ phía Tây	Ngã tư Lý Thái Tổ - Hùng Vương hết địa phận thành phố Pleiku	1.500	30	Nhựa	Diên Hồng + Ia Kring
53	Cách Mạng Tháng 8	Cách Mạng	Toàn tuyến	2.300	30	Nhựa	Hoa Lư
54	Tôn Thất Thuyết	17 tháng 3	Toàn tuyến	1.500	21	Nhựa	Hoa Lư

STT	Tên đường	Tên cũ	Điểm đầu, điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng chỉ giới (m)	Loại đường	Địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8
55	Nguyễn Chí Thanh	Tỉnh lộ 672	Quốc lộ 14 (Trường TH Lâm nghiệp) Quốc lộ 19 (Ngã ba đường tránh)	3.000	30	Nhựa	Trà Bá + Chu Á
56	Lê Đại Hành	Lý Thái Tổ	Ngã ba Vạn Kiếp - Lý Thái Tổ Ngã tư Biển Hồ (Đường Nguyễn Văn Linh)	2.500	30	Nhựa	Thống Nhất + Yên Đỗ
57	Lê Thánh Tôn	Lý Thái Tổ	Ngã tư Hùng Vương - Lý Thái Tổ Ngã ba Trường trung học Lâm nghiệp (Đường Trường Chinh)	2.500	30	Nhựa	Ia Kring + Hội Phú

* Đường Lý Thái Tổ đoạn giữa giữ nguyên tên Lý Thái Tổ.

NGHỊ QUYẾT

Về chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số /TT-UBND ngày /6/2019 của UBND tỉnh Gia Lai đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các Đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XI,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh quản lý dự án.

1. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp tuyến đường theo quy hoạch được duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, chỉnh trang đô thị và đảm bảo tính đồng bộ của tuyến đường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

a) Đoạn Km0-Km0+950m và Km1+610-Km2+850m, L=2.190m: Nền đường rộng 30m; mặt đường và dải phân cách rộng 21m (dải phân cách rộng 3m, mặt đường rộng 9mx2=18m); vỉa hè rộng 4,5mx2=9m (trong đó lát gạch 1,5mx2=3m, phần vỉa hè còn lại dự kiến huy động nhân dân tự gia cố); kết cấu mặt đường bằng bê tông

nhựa; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng.

b) Đoạn Km0+950-Km1+610m, L=660m: Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m và các hạng mục phụ (bờ vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước, vỉa hè phía bên phải tuyến; bố trí điện chiếu sáng trong dải phân cách).

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 88 tỷ đồng (Tám mươi tám tỷ đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2020.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2019 phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.

- Năm 2020 thi công hoàn thành công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này báo cáo HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Người nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu VT-TH.

CHỦ TỊCH